

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Điểm tin thị trường Heo hơi ngày 11/5/2022 12:56 11/05

A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trung Quốc

- Giá heo hơi Trung Quốc tiếp tục tăng mạnh vào hôm nay, lên quanh 15,6 tệ/kg, tương đương 53.000 đồng/kg và ghi nhận mức cao nhất trong vòng 4 tháng qua, sau khi Bộ NN công bố kế hoạch thu mua dự trữ 40.000 tấn thịt heo ở đợt thu mua thứ 7 trong năm nay, ngoài ra thời tiết mát mẻ trong những ngày gần đây và số ca nhiễm Covid 19 mới có chiều hướng giảm giúp tiêu thụ cải thiện hơn trong ngắn hạn. Tại các tỉnh phía Nam, mặt bằng giá hôm nay cũng được điều chỉnh tăng tới 0,7 tệ/kg, lên quanh 15,9-17,9 tệ/kg, tương đương 54-61.000 đồng/kg.
- Có diễn biến tương tự, giá heo hơi các kỳ hạn tại sàn Đại Liên cũng ghi nhận xu hướng tăng nhẹ trong phiên giao dịch hôm nay, đạt quanh 17-19,3 tệ/kg, tương đương 58-66.000 đồng/kg đối với kỳ hạn tháng 7-9/2022.

B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Giá heo hơi

Miền Bắc

- Tại **miền Bắc Việt Nam**, giá heo giữ giao dịch quanh mức 55-56.000 đồng/kg, mức 54.000 đồng/kg xuất hiện trở lại nhưng chủ yếu với heo dân hoặc những trại chậm dịch. Sức tiêu thụ chung toàn thị trường yếu do heo chậm dịch biểu 60-80kg/con vẫn có ra thị trường.
- Trong bối cảnh giá heo khó tăng như kỳ vọng, cộng thêm giá cám cao thì lực tấp heo vào gột gần như đóng băng.

Miền Trung & miền Nam

- Nhu cầu heo đi Bắc và đi Cam yếu, cộng thêm tiêu thụ nội vùng chậm nên hôm nay mặt bằng giá heo miền Nam cũng phổ biến còn quanh 55-56.000 đồng/kg, mức trên 56.000 đồng/kg khó bán.

Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

- Tại **chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo về chợ tăng lại, đạt quanh 3.500 con gồm heo dân quanh chợ bán ra, heo tấp vào gột trong 1-2 tuần trước bán ra cùng lượng heo chạy dịch bán về chợ. Chợ bán yếu với giá hàng đầu 57-58.000 đồng/kg, phổ biến 54.000 đồng/kg.
- Tại **chợ Tân Xuân**, rạng sáng nay lượng heo nhập lò đạt gần 4.100 con, nhập chợ đạt gần 4.300 con do có heo từ Bình Điền đưa sang vào cuối phiên. Chợ bán linh xình từ đầu phiên và rút còn 58.000 đồng/kg trở lên vào cuối phiên, kéo giá bình bông đạt quanh 64-68.000 đồng/kg.

Giao dịch biên mậu

- Tại **các cửa khẩu biên giới Tây Nam**, heo đi Cam cũng có xu hướng giảm mạnh cho dù nhu cầu từ Cam vẫn khá tốt do giá heo Cam và heo Thái cùng cao, do phía Campuchia tiến hành bắt heo lậu nên các thương lái giảm

mua. Theo đó, lượng heo đi Cam qua cửa khẩu khu vực Tây Ninh và Long An giảm chỉ còn trên dưới 200-300 con/ngày, chủ yếu bán cho cư dân giáp biên còn khó đi sâu vào gần Phnompenh.

Bảng giá Heo hơi và Heo con ngày 11/5/2022 07:34 11/05

1. Miền Bắc

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực		11/05/2022	10/05/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Bắc		57.000	57.000	56.000-57.000
Heo dân	Thái Bình	54.000-56.000	54.000-56.000	53.000-56.000
	Bắc Giang	54.000-56.000	54.000-56.000	53.000-56.000
	Hà Nội	54.000-56.000	54.000-56.000	53.000-56.000
Heo giống				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		132.000-137.000	132.000-137.000	130.000-135.000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.100.000-1.300.000	1.100.000-1.300.000	1.100.000-1.300.000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.300.000-1.500.000	1.300.000-1.500.000	1.300.000-1.500.000

2. Miền Trung

Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		11/05/2022	10/05/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Bắc Trung Bộ	57.000	57.000	56.000-57.000
	Nam Trung Bộ	55.000-57.000	56.000-58.000	55.000-58.000
Heo dân	Nghệ An	53.000-55.000	53.000-55.000	53.000-55.000
	Bình Định	55.000-57.000	55.000-57.000	54.000-57.000
	Đắc Lắc	53.000-55.000	53.000-55.000	53.000-55.000

3. Miền Nam

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		11/05/2022	10/05/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	56.000-57.000	57.000-58.000	56.000-58.000
	Miền Tây	56.000-57.000	57.000-58.000	56.000-58.000
Heo dân	Đồng Nai	55.000-57.000	55.000-58.000	55.000-58.000
	Tiền Giang	54.000-56.000	54.000-56.000	53.000-56.000
	Bến Tre	54.000-56.000	54.000-56.000	52.000-55.000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000

Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)	1.400.000- 1.500.000	1.400.000- 1.500.000	1.400.000- 1.500.000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)	1.300.000- 1.400.000	1.300.000- 1.400.000	1.300.000- 1.400.000

Tương quan giá Heo Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á ngày 11/5/2022 08:57 11/05

Tin giá heo hơi ngày 11/5/2022 – Cập nhật lúc 8h30

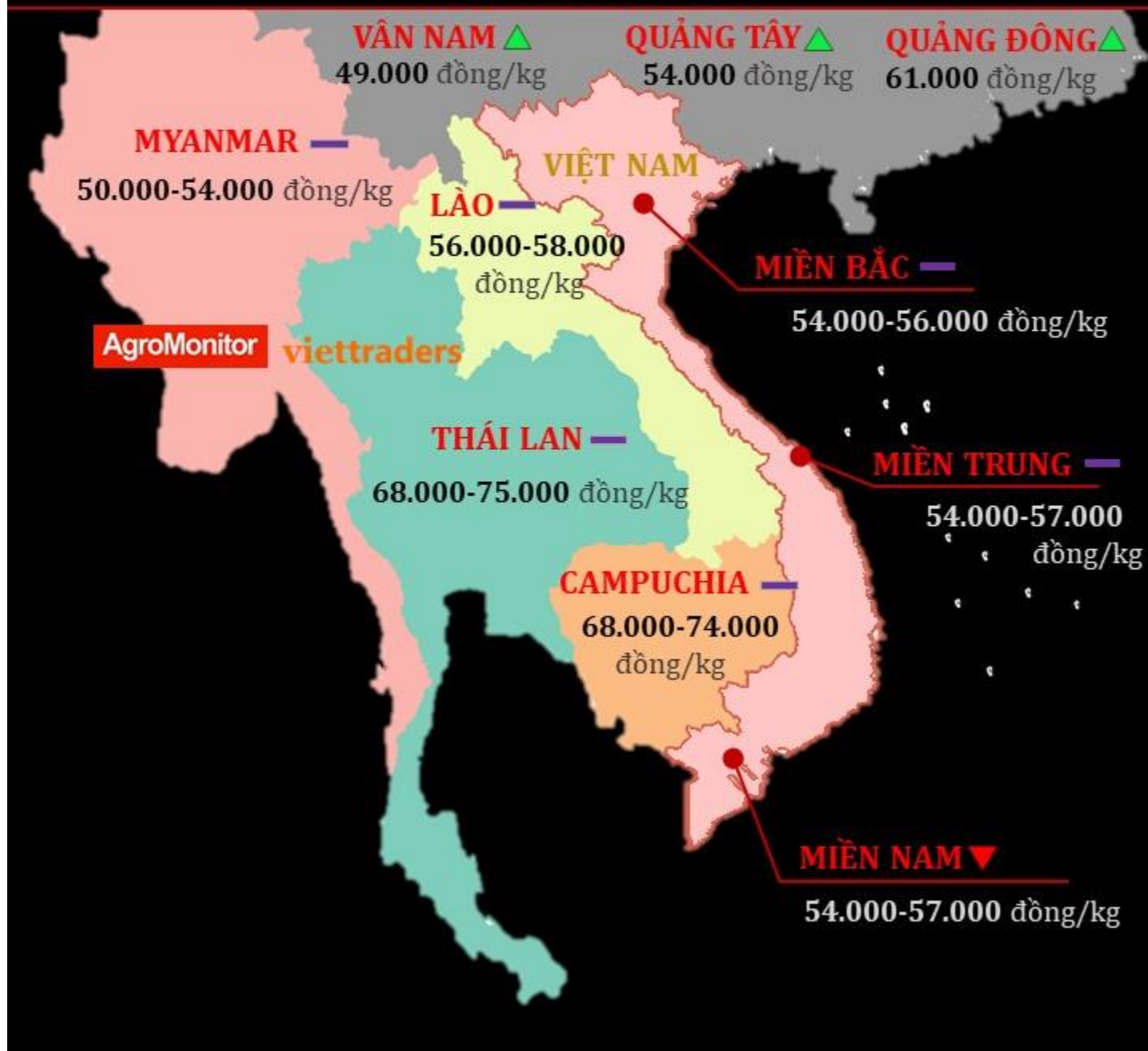
+ Tại **thế giới**, giá heo hơi *Trung Quốc* tiếp tục tăng mạnh vào hôm nay, lên quanh 15,6 tẽ/kg, tương đương 53.000 đồng/kg và ghi nhận mức cao nhất trong vòng 4 tháng qua, sau khi Bộ NN công bố kế hoạch thu mua dự trữ 40.000 tấn thịt heo ở đợt thu mua thứ 7 trong năm nay, ngoài ra thời tiết mát mẻ trong những ngày gần đây và số ca nhiễm Covid 19 mới có chiều hướng giảm giúp tiêu thụ cải thiện hơn trong ngắn hạn. Tại các tỉnh phía Nam, mặt bằng giá hôm nay cũng được điều chỉnh tăng tới 0,7 tẽ/kg, lên quanh 15,9-17,9 tẽ/kg, tương đương 54-61.000 đồng/kg.

Trong một thông báo phát đi vào hôm qua (10/05), Bộ NN Trung Quốc cho biết sẽ tiếp tục triển khai đợt thu mua dự trữ thịt heo lần thứ 7 trong năm 2022 với lượng dự kiến 40.000 tấn, bắt chấp việc thu mua dự trữ ở những đợt gần đây đều đạt thấp so với kế hoạch đề ra. Như vậy, theo kế hoạch thu mua dự trữ thịt heo từ Bộ NN Trung Quốc, nước này đã triển khai tổng cộng 7 đợt thu mua trong năm 2022 với lượng dự kiến 278.000 tấn.

Đối với heo *Thái Lan*, mặt bằng giá cũng đã tăng vào hôm nay, vẫn dao động quanh 101,7 baht/kg, tương đương 69.000 đồng/kg. Chung điểm biến, giá heo *Lào và Campuchia* tiếp tục đi ngang do tiêu thụ tại các thị trường này chậm lại sau hàng loạt lễ hội lớn diễn ra quanh dịp Tết cổ truyền.

+ Tại **Việt Nam**, giao dịch heo vào hôm nay vẫn chưa có nhiều cải thiện, mặt bằng giá heo miền Bắc dao động phổ biến quanh 55-56.000 đồng/kg, mức trên 56.000 đồng/kg vẫn còn một số công ty áp dụng cho heo đẹp nhưng khó bán. Tại miền Nam, do áp lực heo to tăng lên nên giá heo giảm nhẹ về quanh 54-57.000 đồng/kg, mức 58.000 đồng/kg không ghi nhận nhiều giao dịch.

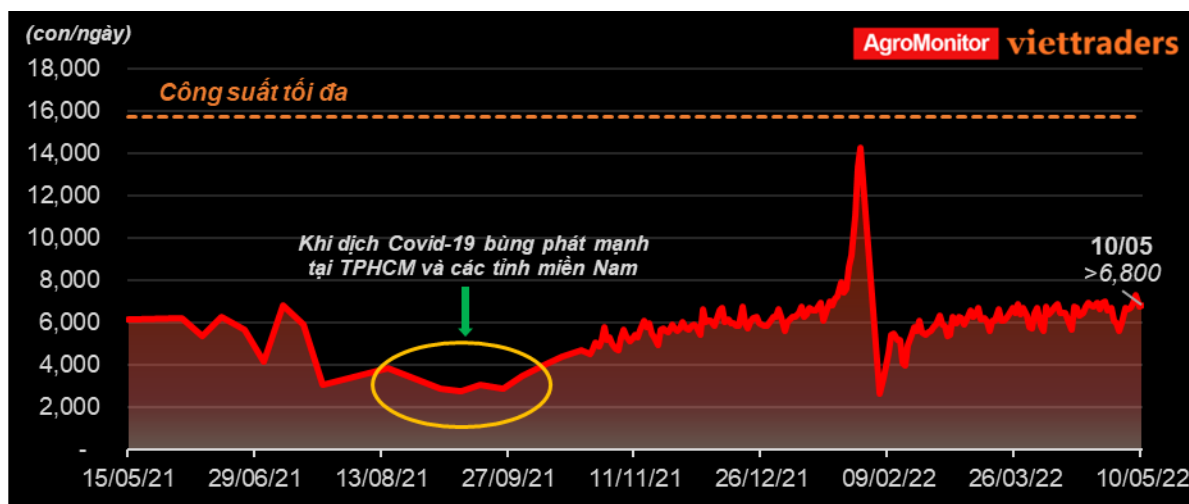
TƯƠNG QUAN GIÁ HEO VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NƯỚC TRONG KHU VỰC ĐÔNG NAM Á NGÀY 11/05/2022



Lượng Heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 10/5/2022 (con/ngày) 10:18 10/05

Trong 10 ngày đầu tháng 5, lượng heo đưa vào giết mổ trong 10 ngày đầu tháng 5 đạt hơn 65.5 nghìn con, tăng nhẹ gần 2.7% so với cùng kỳ tháng trước.

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 10/05/2022 (con/ngày)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Nhập khẩu Trâu/Bò sống về Việt Nam tính đến ngày 3/5/2022 19:21 15/04

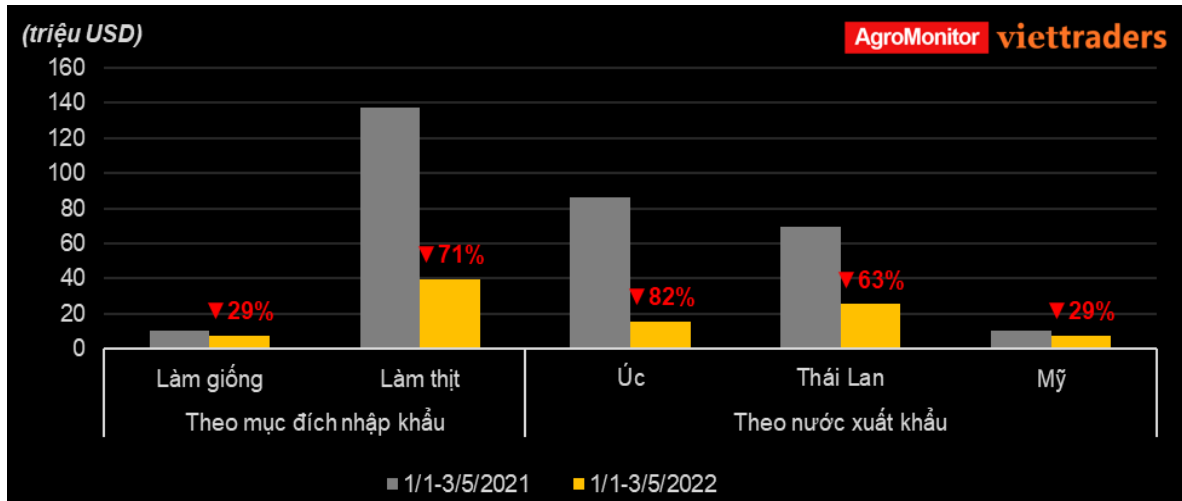
Tính chung cả bò giống và trâu/bò thịt, tổng lượng trâu/bò sống nhập về Việt Nam trong năm 2022 tới ngày 03/05 đạt trên 45,900 con, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước gần 70%, tương ứng với lượng giảm gần 101,200 con.

[\(xem chi tiết tại đây\)](#)

- **Kim ngạch nhập khẩu trâu/bò sống của Việt Nam sơ bộ trong tháng 4 tăng gấp đôi so với tháng trước.** Theo số liệu thống kê sơ bộ, tổng giá trị nhập khẩu trâu/bò sống của Việt Nam trong tháng 4/2022 đạt gần 16.95 triệu USD, tăng gấp đôi so với tháng trước nhưng giảm tới gần 40% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, trong 3 ngày đầu tháng 5, kim ngạch nhập khẩu trâu/bò sống về Việt Nam đạt trên 0.94 triệu USD, đưa tổng kim ngạch trong năm 2022 tới ngày 03/05 đạt gần 48.67 triệu USD, giảm 70.8% so với lũy kế cùng kỳ năm 2021.

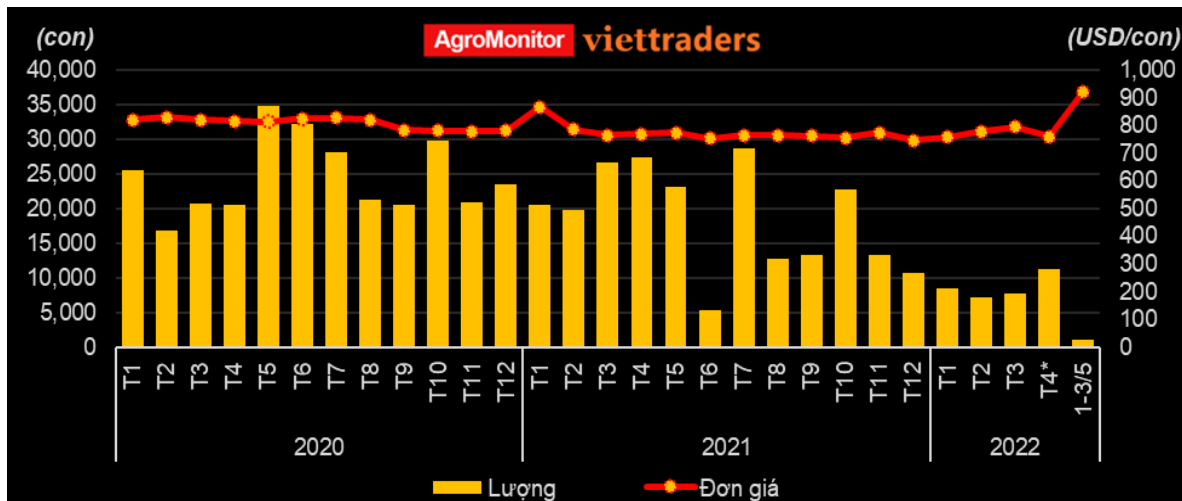
- **Xét về lượng, trong tuần 27/04-03/05, toàn bộ gần 5,300 con trâu/bò được nhập về đều là trâu/bò thịt có nguồn gốc từ Thái Lan và Úc.** Theo số liệu thống kê, trong tuần kể trên tiếp tục có gần 2,800 con trâu/bò thịt được nhập về từ Thái Lan thông qua cửa khẩu Cha Lo (Quảng Bình) và cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị), đưa tổng lượng nhập về từ thị trường này trong năm 2022 tới ngày 03/05 đạt gần 35,600 con, giảm 63% so với lũy kế cùng kỳ năm 2021. Đối với bò Úc, trong tuần kể trên có thêm gần 2,500 con bò thịt được nhập về thông qua cảng Hải Phòng, đưa tổng lượng bò Úc về Việt Nam kể từ đầu năm đạt trên 7,700 con, giảm mạnh so với mức 46,300 con lũy kế cùng kỳ năm trước. Tính chung cả bò giống và trâu/bò thịt, tổng lượng trâu/bò sống nhập về Việt Nam trong năm 2022 tới ngày 03/05 đạt trên 45,900 con, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước gần 70%, tương ứng với lượng giảm gần 101,200 con.

Hình 1. Kim ngạch nhập khẩu trâu/bò sống của Việt Nam trong năm 2022 tới ngày 03/05 so với cùng kỳ năm trước (triệu USD)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 2. Lượng và đơn giá nhập khẩu trâu/bò thịt từ Thái Lan về Việt Nam năm 2020-03/05/2022 (con; USD/con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: số liệu lấy theo ĐKGH là DAF/DAP)

Điểm tin thị trường Gia cầm ngày 11/5/2022 11:50 11/05

A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trung Quốc

- Về phía cung, do thời gian trước chăn nuôi gà giống có chiều hướng thua lỗ trong thời gian dài cùng với các yếu tố dịch bệnh, các trại giống thu hẹp năng lực sản xuất, nguồn cung con giống sụt giảm rõ rệt khiến nguồn cung gà thịt hiện không nhiều. Tuy nhiên, tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh khiến tiêu thụ tại các chợ đầu mối lần dân sinh chậm chạp, các lò mổ thận trọng hơn trong việc thu mua hàng kéo giá gà thịt giảm nhẹ, xuống ngưỡng 9,26 tệ/kg-tương đương 31.600 đồng/kg.

- Với giao dịch gà trắng giống, hiện nguồn cung con giống vẫn chưa có nhiều trở lại, cùng với đó, vận chuyển gà giống tương đối khó khăn trong bối cảnh dịch bệnh. Giá thức ăn chăn nuôi vẫn ở mức cao, biên lợi nhuận chăn nuôi có phần thu hẹp khiến người chăn nuôi dè chừng hơn trong việc tái đàn, theo đó giá con giống tiếp tục suy yếu thêm, xuống mức 2,57 tỷ/con-tương đương 8.800 đồng/con.

B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Gà trắng

- Tại miền Bắc, với đàn nhiều trống biểu to 4 kg/con các công ty giữ giá ổn định ngưỡng 35.500 đồng/kg, tuy nhiên, với đàn 3.2-3.3 kg/con mức giá giảm nhẹ xuống 33.000 đồng/kg do thị trường đang khan gà to trong khi biểu nhỏ khó bán hơn. Lo ngại giá có thể tiếp tục suy yếu cùng với thời tiết ngoài Bắc được dự báo sẽ chuyển mưa lạnh vào cuối tuần này khiến một số khu vực xuất gà nhỏ 3-3.2 kg/con với giá 32.000 đồng/kg.

- Tại miền Nam, giá công ty tiếp tục điều chỉnh tăng 1.000 đồng/kg vào hôm nay, lên phổ biến 30-32.000 đồng/kg do nguồn cung vẫn hơn. Tuy nhiên, tiêu thụ gà trắng tại Nam Bộ yếu hơn do ảnh hưởng của thời tiết mưa nhiều khiến biên độ tăng của giá gà khá chậm.

Gà màu

- Tại miền Bắc, giá gà thịt tiếp tục ổn định quanh mức 58-59.000 đồng/kg với gà ta lai CP nuôi 75 ngày và 68-70.000 đồng/kg với gà Dabaco/Minh Dư nuôi trên 4 tháng. Trong khi đó, giao dịch con giống có phần sôi động hơn, người chăn nuôi tập trung vào đàn lai mía và lai chọi trong thời tiết nắng nóng nhiều hơn. Theo đó giá gà lai mía giống trong dân điều chỉnh lên 14.000 đồng/con (mua xô), giá gà lai hồ giống giữ ổn định mức 11.000 đồng/con.

- Tại miền Trung, giá gà ta lai CP tiếp tục tăng lên phổ biến 57-58.000 đồng/kg do nguồn cung thiếu hụt không đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ của thị trường.

- Tại miền Nam, giá gà màu các loại đồng loạt tăng tiếp do nguồn cung khan hiếm. Với gà ta lai CP nuôi 75 ngày, giá bán tại trại được 57-58.000 đồng/kg, công ty cắt chiết khấu khuyến mãi khiến mức 56.000 đồng/kg không còn. Trong khi giá gà Dabaco/Minh Dư nuôi trên 4 tháng lần lượt tăng lên quanh mức 68-70.000 đồng/kg và 70-72.000 đồng/kg (gà trống). Cùng chiều, giá gà màu giống tại miền Nam cũng điều chỉnh tăng trong đầu tháng này, lên 9-10.000 đồng/con với giống bên Minh Dư và 7.500 đồng/con với giống ta lai.

Vịt thịt

- Tại miền Bắc, giá vịt giữ ổn định quanh mức thiết lập từ cuối tuần trước 42-44.000 đồng/kg, nhu cầu tiêu thụ vịt trong những ngày gần đây trôi hơn do thời tiết oi nóng. Tuy nhiên, cuối tuần này, thời tiết ngoài Bắc được dự báo đón đợt mưa lạnh có thể sẽ ảnh hưởng đến sức tiêu thụ gia cầm, giá vịt có khả năng sẽ quay đầu giảm nhẹ.

- Tại miền Nam, giá vịt tạm thời đi ngang vào hôm nay, dao động 48-50.000 đồng/kg, tùy vùng. Với mức này, người chăn nuôi đang có lời tương đối khá với điểm hòa vốn trong khoảng 40-42.000 đồng/kg.

Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, lượng gà trắng đổ về chợ ổn định, đạt quanh mức 2.000-2.500 con. Trong đó, gà biểu to nhiều hơn đây giá gà nhập về chợ (mua xô) tăng lên mức 38-39.000 đồng/kg. Chợ bán cải thiện nhẹ giúp giá bán ra cũng được điều chỉnh tăng thêm, đạt ngưỡng 38-42.000 đồng/kg, tùy gà mái hay gà trống.

Bảng giá thị trường Gia cầm ngày 11/5/2022 11:17 11/05

Gà trắng

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	11/05/2022	10/05/2022	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	33.000-35.500	33.500-35.500	33.000-37.000
	Miền Nam	30.000-32.000	29.000-31.000	27.000-31.000
Gà trong dân	Miền Bắc			
	Thái Nguyên	33.000-35.000	34.000-35.000	34.000-36.000
	Vĩnh Phúc	33.000-35.000	34.000-35.000	34.000-37.000
	Hà Nội	33.000-35.000	34.000-35.000	34.000-37.000
	Miền Nam			
	Bình Dương	30.000-32.000	30.000-32.000	29.000-30.000
	Bình Phước	30.000-32.000	30.000-32.000	29.000-30.000

Gà màu

Bảng 3. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	11/05/2022	10/05/2022	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	58.000-59.000	58.000-59.000	55.000-58.000
Gà ta lai CP – miền Trung	57.000-58.000	55.000-56.000	55.000-56.000
Gà ta lai CP – miền Nam	57.000-58.000	56.000-58.000	53.000-58.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	68.000-69.000	68.000-69.000	60.000-67.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	68.000-70.000	65.000-66.000	58.000-66.000
Gà Minh Dur – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	69.000-70.000	69.000-70.000	60.000-67.000
Gà Minh Dur – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	70.000-72.000	67.000-70.000	63.000-70.000

Vịt thịt

Bảng 3. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	11/05/2022	10/05/2022	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	42.000-44.000	42.000-44.000	43.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	48.000-49.000	48.000-49.000	44.000-51.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	49.000-50.000	49.000-50.000	49.000-53.000

Bảng giá thị trường Chăn nuôi thế giới ngày 11/5/2022 09:45 11/05

A. THỊ TRƯỜNG HEO

Giá heo Trung Quốc nổi dài đà tăng, ghi nhận mức cao nhất trong vòng 4 tháng qua.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Châu Á						
Trung Quốc	Giao ngay – bình quân	CNY/kg	15,64	▲ 0,33	▼ 4,06	53.300
	Giao ngay – Quảng Tây	CNY/kg	15,86	▲ 0,67	▼ 4,54	54.000
	(DCE) T3/2022	CNY/kg	16,94	▲ 0,15	-	58.200
	(DCE) T5/2022	CNY/kg	19,24	▲ 0,27	▼ 5,72	66.100
	(DCE) T7/2022	CNY/kg	19,33	▲ 0,27	▼ 4,37	66.400
Thái Lan	Giao ngay – bình quân	Baht/kg	101,67	—0,00	▲ 20,92	69.000
	Giao ngay – miền Trung	Baht/kg	104,00	—0,00	▲ 24,00	70.600
Campuchia	Giao ngay	KHR/kg	12.500	—0,00	-	70.600
Lào	Giao ngay	LAK/kg	31.300	▲ 800	-	56.300
Indonesia	Giao ngay	IDR/kg	58.040	▲ 2.578	▲ 10.334	91.100
Châu Mỹ						
Mỹ	Giao ngay	Cent/lbs	79,58	—0,00	-	40.500
Canada	Giao ngay	Penny/kg	229,11	—0,00	-	42.300
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,19	▼ 0,01	-	27.400

Giá heo con Thái Lan tiếp tục đi ngang ở tuần này.

Bảng 2. Bảng giá giao dịch heo giống tại các nước

Nước	Loại heo	Đơn vị	Giá	Biến động giá	VND/con
------	----------	--------	-----	---------------	---------

				1 tuần	1 năm	
Trung Quốc	Biểu 7kg	CNY/kg	31,01	▲3,42	▼59,06	739.200
Thái Lan	Biểu 5-6kg	Baht/con	3.000	—0,00	▲600	2.040.000
	Biểu 20-25kg	Baht/con	3.400 (+/- 100)	—0,00	▲600	2.310.000
Mỹ	Biểu 5-6kg	USD/con	49,25	▼4,77	-	1.140.000
	Biểu 18kg	USD/con	92,93	▼7,42	-	2.150.000
EU	Giá bình quân	EUR/con	56,65	▼0,80	▲3,46	1.420.000

B. THỊ TRƯỜNG GIA CẦM

Bảng 3. Bảng giá giao dịch gà, vịt tại các nước

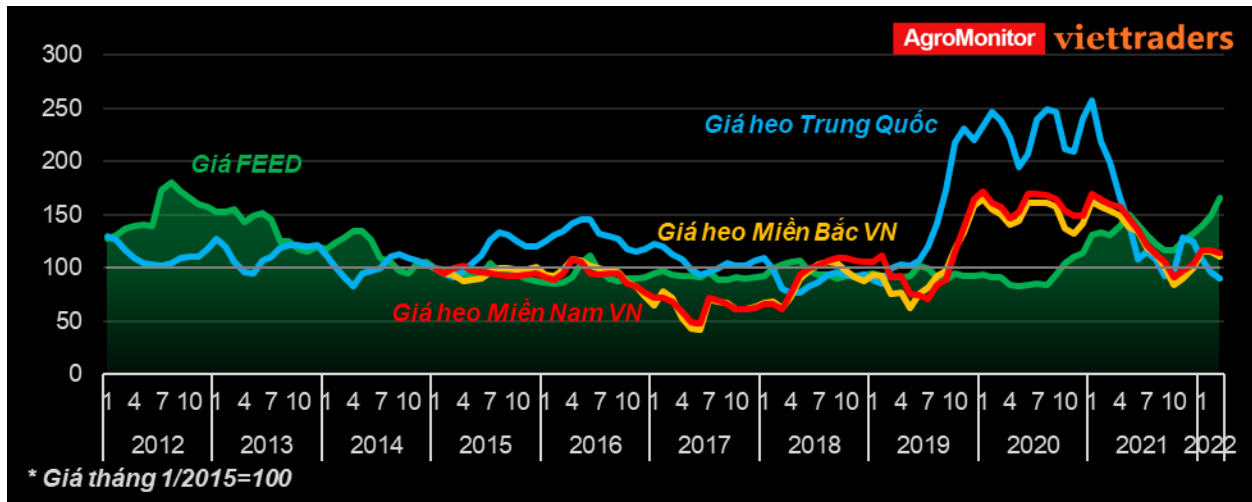
Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 ngày	
Trung Quốc	Gà trắng thịt	CNY/kg	9,26	▼0,02	▲0,50	31.580
	Gà trắng giống	CNY/con	2,57	▼0,11	▼1,28	8.760
	Vịt thịt	CNY/kg	9,26	▲0,02	-	31.580
	Vịt giống	CNY/con	1,79	▲0,02	-	6.100
Thái Lan	Gà sống tại trại	Baht/kg	43,5	—0,00	-	29.580
	Gà nửa con	Baht/kg	90,0	—0,00	-	61.200
	Gà giống (CP)	Baht/con	17,0	—0,00	-	11.560
Brazil	Thịt gà đông lạnh	USD/kg	1,54	▲0,01	▲0,18	35.570
	Thịt gà làm mát	USD/kg	1,54	▲0,01	▲0,17	35.570

Bảng 4. Bảng giá giao dịch trứng tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg,
				1 ngày	1 ngày	VND/quả
Trung Quốc	Trứng gà	CNY/kg	9,64	▼0,14	-	32.870
	(DCE) T4/2022	CNY/500kg	4.184	▼4,00	▼224,0	28.530
	(DCE) T5/2022	CNY/500kg	4.366	▼1,00	▼158,0	29.780
	(DCE) T6/2022	CNY/500kg	5.018	▼9,00	▼179,0	34.220
Thái Lan	Trứng gà tươi	Baht/100 trứng	350,0	—0,00	-	2.380
	Trứng số 3	Baht/100 trứng	323,0	—0,00	-	2.200
	Trứng số 4	Baht/100 trứng	306,0	—0,00	-	2.080
Campuchia	Trứng gà CP	Riel/quả	450,0	—0,00	-	2.520
Lào	Trứng gà	Kip/30 quả	35.100-35.700	—0,00	-	2.170-2.200

Tương quan giá heo hơi Việt Nam, Trung Quốc và giá thức ăn chăn nuôi 15:12 19/04

Hình 1. Tương quan giá heo hơi Việt Nam, Trung Quốc và giá thức ăn chăn nuôi



Nguồn: AgroMonitor tính toán dựa trên nhiều nguồn

Ghi chú: Giá tháng 1/2015 = 100 tại tất cả các loại

Lượng gia cầm giết mổ tại lò An Nhơn đến ngày 10/5/2022 (con/ngày) 12:52 09/05

- Tại lò An Nhơn, lượng gia cầm đưa về trong 3 ngày gần đây tương đối ổn định, dao động 76-78.000 con/ngày. Tính bình quân 10 ngày đầu tháng 5, lượng gia cầm đưa về cơ sở đạt khoảng 66.734 con/ngày, mức này gần tương đương so với mức 68.000 con/ngày trong 10 ngày đầu tháng 4.

Lượng gia cầm giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)



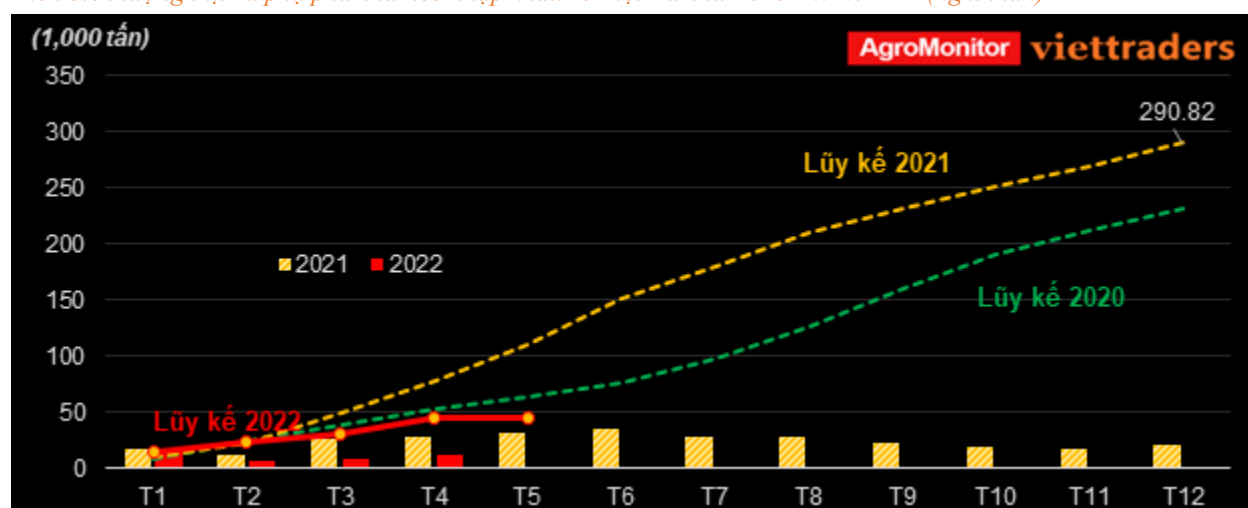
Lượng thịt và phụ phẩm từ Heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 3/5/2022 (nghìn tấn) 13:13 03/05

- Sơ bộ trong tháng 4/2022, Việt Nam nhập khẩu gần 12.9 nghìn tấn thịt và phụ phẩm từ heo, tăng gần 40% so với tháng trước, chiếm 28% tổng thị phần nhập khẩu các loại thịt trong kỳ. Theo số liệu sơ bộ, tổng lượng thịt heo (mã hs 0203) nhập về Việt Nam trong tháng 4 đạt trên 9.1 nghìn tấn – tăng trên 50% so với tháng trước, ứng với lượng nhiều hơn trên 3.1 nghìn tấn thịt, tuy nhiên mức này vẫn thấp hơn tới 47% so với cùng kỳ năm 2021. Đối với chân và phụ phẩm từ heo (mã hs 0206), lượng về Việt Nam sơ bộ trong tháng 4 đạt gần 3.8 nghìn tấn, tăng trên 35% so với tháng trước nhưng thấp hơn gần 70% so với cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra, trong 3 ngày đầu tháng 5, Việt Nam ghi nhận thêm gần 900 tấn thịt và phụ phẩm từ heo nhập về, đưa tổng lượng về trong năm 2022 tới ngày 03/05 đạt gần 45.8 nghìn tấn, thấp hơn 47% so với lũy kế cùng kỳ năm 2021.

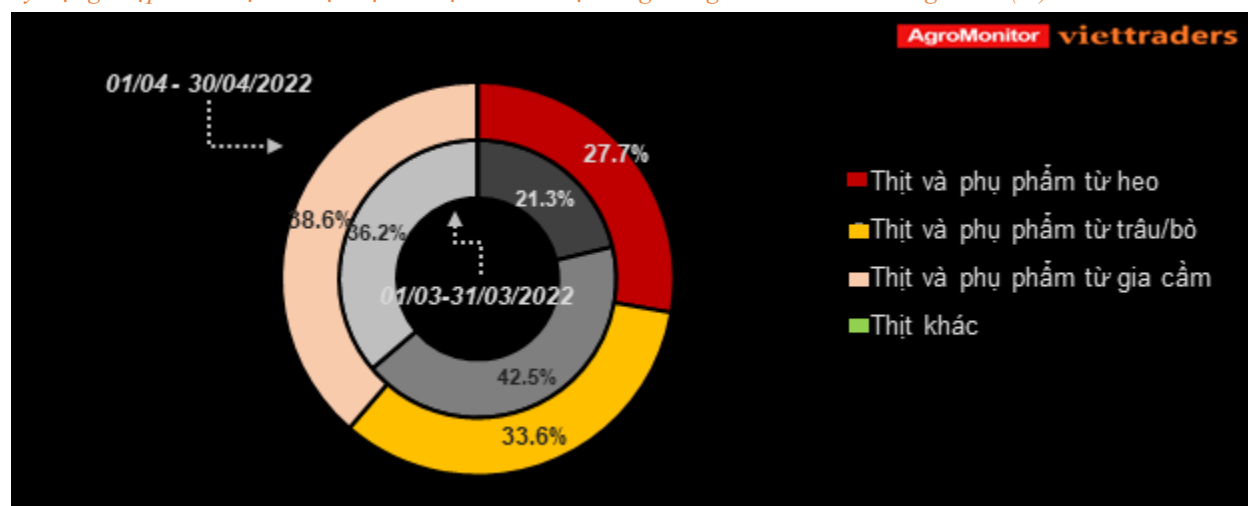
[\(xem chi tiết tại đây\)](#)

Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam từ 2020-03/05/2022 (nghìn tấn)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Tỷ trọng nhập khẩu một số loại thịt về Việt Nam sơ bộ trong tháng 4/2022 so với tháng trước (%)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Thị trường Gia súc thế giới ngày 11/5/2022

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC THẾ GIỚI NGÀY 11/05/2022

Thị trường Heo	<p>▶ <u>Giá heo Trung Quốc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá heo hơi Trung Quốc tiếp tục tăng mạnh vào hôm nay, lên quanh 15,6 tệ/kg, tương đương 53.000 đồng/kg và ghi nhận mức cao nhất trong vòng 4 tháng qua, sau khi Bộ NN công bố kế hoạch thu mua dự trữ 40.000 tấn thịt heo ở đợt thu mua thứ 7 trong năm nay, ngoài ra thời tiết mát mẻ trong những ngày gần đây và số ca nhiễm Covid 19 mới có chiều hướng giảm giúp tiêu thụ cải thiện hơn trong ngắn hạn; - Tại <i>tỉnh Quảng Tây</i>, giá heo đạt 15,86 tệ/kg, tương đương 54.000 đồng/kg; - Giá heo <i>DCE T7/2022</i> có xu hướng tăng trong phiên giao dịch hôm nay, đạt quanh 17 tệ/kg, tương đương 58.000 đồng/kg; - Giá heo con <i>7kg</i> tăng thêm lên 31,01 tệ/kg, tương đương 740.000 đồng/con, nguồn cung heo con có chiều hướng giảm trong khi nhu cầu vào đàn mới khá tốt sau khi một số công ty TACN điều chỉnh hạ giá cám.
	<p>▶ <u>Giá heo Thái Lan</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá <i>bình quân</i> chứng đã tăng vào hôm nay, vẫn dao động quanh 101,7 baht/kg, tương đương 69.000 đồng/kg; - Tại <i>miền Trung</i>, giá heo duy trì 104,00 baht/kg, tương đương 71.000 đồng/kg; - Giá heo con vào tuần bắt đầu ngày 09/05 giữ tương đương so với tuần trước đó.
	<p>▶ <u>Giá heo Mỹ</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá heo hơi duy trì quanh mức 79,58 cent/pound, tương đương ~41.000 đồng/kg; - Giá heo nạc <i>CME kỳ hạn tháng 6/2022</i> nhích tăng nhẹ, lên quanh 101,6 cent/pound, tương đương 52.000 đồng/kg.
Thông tin kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Đồng USD vẫn đang ở vùng đỉnh của 20 năm thiết lập vào đầu tuần này do FED thắt chặt chính sách tiền tệ nhanh hơn các ngân hàng trung ương khác trên thế giới; - Thị trường chứng khoán Mỹ giằng co trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (10/05), với chỉ số Dow Jones giảm phiên thứ tư liên tiếp trong bối cảnh giá cổ phiếu nỗ lực gượng dậy từ những phiên bán tháo trước đó; - Giá dầu thô WTI không giữ được mốc 100 USD/thùng vì mối lo suy giảm tăng trưởng kinh tế và đồng USD mạnh. Giá dầu thô WTI giao sau tại New York giảm 3,33 USD/thùng, tương đương giảm 3,2%, còn 99,76 USD/thùng. Đây là lần đầu tiên giá dầu WTI giảm dưới 100

USD/thùng kể từ hôm 27/04. Giá dầu Brent giao sau tại London giảm 3,48 USD/thùng, tương đương giảm 3,3%, còn 102,46 USD/thùng.

A. THỊ TRƯỜNG HEO

▶ Tại Trung Quốc

- Giá heo hơi Trung Quốc tiếp tục tăng mạnh vào hôm nay, lên quanh 15,6 tệ/kg, tương đương 53.000 đồng/kg và ghi nhận mức cao nhất trong vòng 4 tháng qua, sau khi Bộ NN công bố kế hoạch thu mua dự trữ 40.000 tấn thịt heo ở đợt thu mua thứ 7 trong năm nay, ngoài ra thời tiết mát mẻ trong những ngày gần đây và số ca nhiễm Covid 19 mới có chiều hướng giảm giúp tiêu thụ cải thiện hơn trong ngắn hạn. Tại các tỉnh phía Nam, mặt bằng giá hôm nay cũng được điều chỉnh tăng tới 0,7 tệ/kg, lên quanh 15,9-17,9 tệ/kg, tương đương 54-61.000 đồng/kg.

- Có diễn biến tương tự, giá heo hơi các kỳ hạn tại sàn Đại Liên cũng ghi nhận xu hướng tăng nhẹ trong phiên giao dịch hôm nay, đạt quanh 17-19,3 tệ/kg, tương đương 58-66.000 đồng/kg đối với kỳ hạn tháng 7-9/2022.

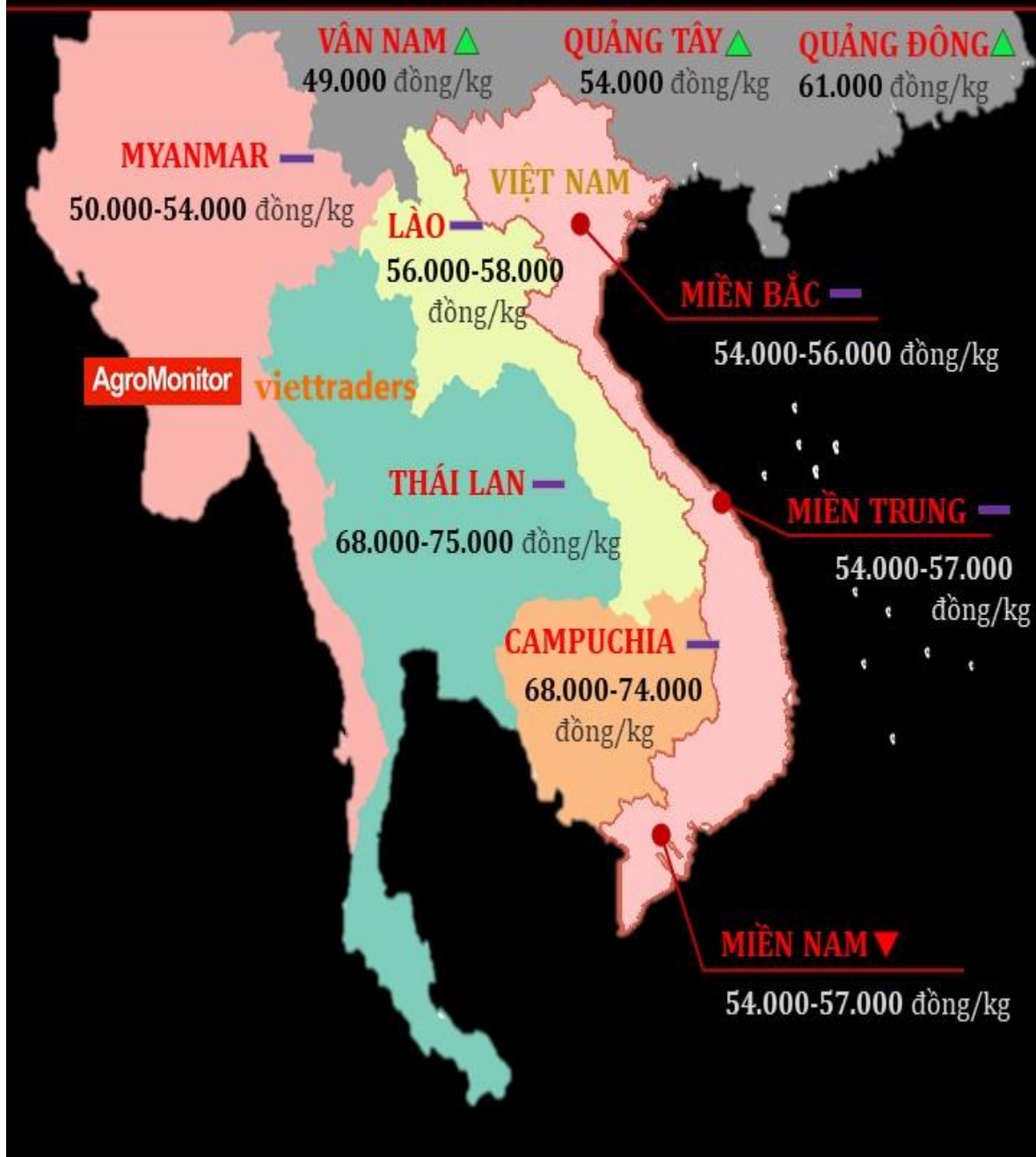
- Trong một thông báo phát đi vào hôm qua (10/05), Bộ NN Trung Quốc cho biết sẽ tiếp tục triển khai đợt thu mua dự trữ thịt heo lần thứ 7 trong năm 2022 với lượng dự kiến 40.000 tấn, bất chấp việc thu mua dự trữ ở những đợt gần đây đều đạt thấp so với kế hoạch đề ra. Như vậy, theo kế hoạch thu mua dự trữ thịt heo từ Bộ NN Trung Quốc, nước này đã triển khai tổng cộng 7 đợt thu mua trong năm 2022 với lượng dự kiến 278.000 tấn.

▶ Tại Thái Lan, Lào và Campuchia

- Tại Thái Lan, mặt bằng giá chững đả tăng vào hôm nay, vẫn dao động quanh 101,7 baht/kg, tương đương 69.000 đồng/kg. Chung diễn biến, giá heo Lào và Campuchia tiếp tục đi ngang do tiêu thụ tại các thị trường này chậm lại sau hàng loạt lễ hội lớn diễn ra quanh dịp Tết cổ truyền.

Hình 1. Tương quan giá heo hơi một số nước trong khu vực Đông Nam Á ngày 11/05/2022 (đồng/kg)

**TƯƠNG QUAN GIÁ HEO VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NƯỚC
TRONG KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**
NGÀY 11/05/2022



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

▶ [Tai Mỹ](#)

- Tại sản Chicago, trong khi giá heo nạc kỳ hạn tháng 6/20222 nhích tăng nhẹ nhờ sự ổn định của giá giao ngay thì đối với kỳ hạn tháng 7-10/2022, mặt bằng giá tiếp tục giảm thêm với mức giảm trên dưới 1% do lo ngại nhu cầu yếu hơn tại các thị trường nhập khẩu chính.

DIỄN BIẾN GIÁ

Giá heo Trung Quốc nổi dài đã tăng, ghi nhận mức cao nhất trong vòng 4 tháng qua.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		Quy đổi VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Châu Á						
Trung Quốc	Giao ngay – bình quân	CNY/kg	15,64	▲0,33	▼4,06	53.300
	Giao ngay – Quảng Tây	CNY/kg	15,86	▲0,67	▼4,54	54.000
	(DCE) Kỳ hạn T7/2022	CNY/kg	16,94	▲0,15	-	58.200
	(DCE) Kỳ hạn T9/2022	CNY/kg	19,24	▲0,27	▼5,72	66.100
	(DCE) Kỳ hạn T11/2022	CNY/kg	19,33	▲0,27	▼4,37	66.400
Thái Lan	Giao ngay – bình quân	Baht/kg	101,67	—0,00	▲20,92	69.000
	Giao ngay – miền Trung	Baht/kg	104,00	—0,00	▲24,00	70.600
Campuchia	Giao ngay	KHR/kg	12.500	—0,00	-	70.600
Lào	Giao ngay	LAK/kg	31.300	▲800	-	56.300
Indonesia	Giao ngay	IDR/kg	58.040	▲2.578	▲10.334	91.100
Châu Mỹ						
Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	79,58	—0,00	-	40.500
Canada	Giao ngay	Penny/kg	229,11	—0,00	-	42.300
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,19	▼0,01	-	27.400

Giá heo con Thái Lan tiếp tục đi ngang ở tuần này.

Bảng 2. Bảng giá giao dịch heo giống tại các nước

Nước	Loại heo	Đơn vị	Giá	Biến động giá			Quy đổi VND/con
				1 ngày	1 tuần	1 năm	

Trung Quốc	Biểu 7kg	CNY/kg	31,01	▲0,10	▲3,42	▼59,06	739.200
Thái Lan	Biểu 5-6kg	Baht/con	3.000	—0,00	—0,00	▲600	2.040.000
	Biểu 20-25kg	Baht/con	3.400 (+/- 100)	—0,00	—0,00	▲600	2.310.000
Mỹ	Biểu 5-6kg	USD/con	49,25	—0,00	▼4,77	-	1.140.000
	Biểu 18kg	USD/con	92,93	—0,00	▼7,42	-	2.150.000
EU	Giá bình quân	EUR/con	56,65	—0,00	▼0,80	▲3,46	1.420.000

Giá thân thịt heo Mỹ kỳ hạn tháng 6/2022 tại sàn Chicago ổn định hơn trong phiên giao dịch vừa qua.

Bảng 3. Bảng giá giao dịch thân thịt heo tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
				1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc	Giao ngay	CNY/kg	20,14	▲0,20	—0,00	▲1,94	▼8,74	68.600
Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	100,19	▼4,20	▼5,37	▼6,61	-	51.000
	(CME) Kỳ hạn T6/2022	Uscent/pound	101,58	▲0,28	▼3,52	▼7,43	▼10,53	51.700
	(CME) Kỳ hạn T7/2022	Uscent/pound	102,98	▼1,23	▼4,08	▼12,05	▼9,73	52.400
	(CME) Kỳ hạn T8/2022	Uscent/pound	103,35	▼1,13	▼3,53	▼13,05	▼4,75	52.600
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,92	▼0,04	▼0,12	-	▼0,21	44.300
EU	Giao ngay – nhóm S	EUR/100kg	198,89	—0,00	▲0,01	▲5,89	▲34,09	49.900
	Giao ngay – nhóm E	EUR/100kg	191,83	—0,00	▲0,46	▲4,47	▲37,73	48.100
	Giao ngay – nhóm R	EUR/100kg	215,93	—0,00	▲1,94	▲22,32	▲50,92	54.100

(Ghi chú: Thân thịt heo EU nhóm S có độ nạc >60%; nhóm E từ 55-60%; nhóm R từ 45-50%)

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Dịch bệnh – Thiên tai

Trong tuần 28/04-04/05, trên thế giới ghi nhận tới gần 80 ổ dịch tả heo châu Phi mới tại 6 quốc gia, trong đó chủ yếu vẫn là heo rừng.

Bảng 4. Thống kê dịch tả heo châu Phi (ASF) trên thế giới trong năm 2022

Ngày	Thông tin về ổ dịch mới nhất
29/04/2022	- Romania công bố thêm 11 ổ dịch mới với heo rừng và 10 ổ dịch mới với heo nuôi, trong đó số heo nuôi bị nhiễm bệnh và chết là 18 con, 134 con hiện đang nhiễm bệnh và 119 con đã bị tiêu hủy; - Ý công bố 4 ổ dịch mới với heo rừng; - Đức ghi nhận 28 đợt bùng phát mới đối với heo rừng khiến 98 con chết vì nhiễm bệnh.
30/04/2022	- Bhutan thông báo 1 ổ dịch với heo nuôi khiến 12 con bị chết và 75 con bị tiêu hủy.
03/05/2022	- Hungary phát hiện thêm 21 ổ dịch tả mới với heo rừng khiến 22 con bị chết vì nhiễm bệnh; - Latvia thông báo 5 ổ dịch mới với heo rừng khiến 6 con chết vì bệnh.

Sản xuất – Tiêu thụ

▶ Tại Mỹ

Lượng heo Mỹ đưa vào giết mổ trong 2 ngày đầu tuần này đạt trên 940 nghìn con, giảm trên dưới 20 nghìn con so với mức tương ứng của tuần trước lần cùng kỳ năm trước.

Bảng 5. Lượng heo Mỹ đưa vào giết mổ theo ngày (nghìn con)

Ngày	Dự kiến	Thực tế giết mổ trong ngày	Lũy kế tuần		
			Tuần này	Tuần trước	Cùng kỳ năm trước
09/05/2022	468	461	468	482	477
10/05/2022	480	-	941	962	958

Ghi chú: * số liệu điều chỉnh

▶ Tại Trung Quốc

Lượng heo xuất bán của các doanh nghiệp chăn nuôi lớn tại Trung Quốc đều ghi nhận mức tăng đáng kể trong tháng 4/2022, chủ yếu do tồn kho heo của các bên đạt cao sau giai đoạn đàn nái hồi phục mạnh vào thời điểm giữa năm trước. Trong đó, công ty Muyuan xuất bán tới trên 6,3 triệu con heo, đưa tổng doanh số bán heo sống trong 4 tháng đầu năm lên 20,1 triệu con, cao gấp đôi so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 40% kế hoạch đề ra cho cả năm 2022.

Bảng 6. Lượng heo sống xuất bán của một số doanh nghiệp chăn nuôi lớn tại Trung Quốc trong năm 2022 (nghìn con)

STT	Doanh nghiệp	T1	T2	T3	Tháng 4		
					Lượng xuất bán (1.000 con)	So với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm trước (%)
1	Muyuan	7.831,0		5.896,0	6.321,0	▲6%	▲101%
2	Zhenbang Tech	958,7	500,2	967,2	-	-	-
3	New Hope	1.292,6	977,3	1.426,9	1.126,6	▼21%	▲34%
4	Wen's	1.506,1	1.069,0	1.448,4	1.427,0	▼1%	▲129%
5	Cofco	404,0	357,0	398,0	-	-	-
6	Dabeinong	416,5	281,0	373,9	345,6	▼8%	▲17%
7	Aonong Bio	380,8	305,3	360,6	385,2	▲7%	▲87%
8	Tianbang	381,3	286,8	336,2	381,0	▲13%	▲90%
9	Tiankang Bio	126,9	80,3	167,9	-	-	-
10	Tang Ren Shen	130,4	122,4	130,6	-	-	-
11	Jin Xinnong	70,6	67,5	197,7	85,2	▼57%	▼8%
12	Luo Niu Shan	45,1	24,3	34,4	-	-	-
13	Dawnrays	46,6	30,1	49,1	45,0	▼8%	▲84%
14	Zhenhong Tech	15,2	7,1	14,5	20,5	▲41%	▲42%
15	Guanghong Holdings	8,1	7,4	8,1	-	-	-
16	Huatong	21,7	58,6	81,8	-	-	-

Trong tháng 4, lượng và giá bán heo của Muyuan đều ghi nhận xu hướng tăng so với tháng trước.

Bảng 7. Theo dõi hoạt động kinh doanh heo của CT TNHH Muyuan (Trung Quốc) từ 1/2021-3/2022

Năm	Tháng	Lượng bán (10.000 con)		Tổng doanh thu (100 triệu tệ)		Giá heo hơi xuất bán (tệ/kg)	
		Trong tháng	Lũy kế	Trong tháng	Lũy kế	Trong tháng	So với tháng trước
2021	1&2	488,7	488,7	122,81	122,81	26,95	-
	3	283,3	772,0	70,58	193,39	23,21	▼14%
	4	314,5	1086,5	79,24	272,62	21,11	▼9%

	5	309,7	1,396,2	67,80	340,42	17,65	▼16%
	6	347,5	1743,7	57,07	397,49	13,58	▼23%
	7	301,1	2044,7	52,07	449,56	15,04	▲11%
	8	257,3	2302,0	42,34	491,90	13,92	▼7%
	9	308,6	2610,6	42,70	534,60	11,50	▼17%
	10	525,8	3136,4	71,00	605,60	11,90	▲3%
	11	387,4	3523,9	67,70	673,30	16,00	▲34%
	12	502,5	4026,3	77,70	750,90	14,80	▼8%
2022	1&2	783,1	783,1	101,60	101,60	12,40	▼16%
	3	598,6	1381,7	74,30	176,00	11,70	▼6%
	4	632,1	2018,8	79,42	255,36	12,56	▲8%

PHỤ LỤC

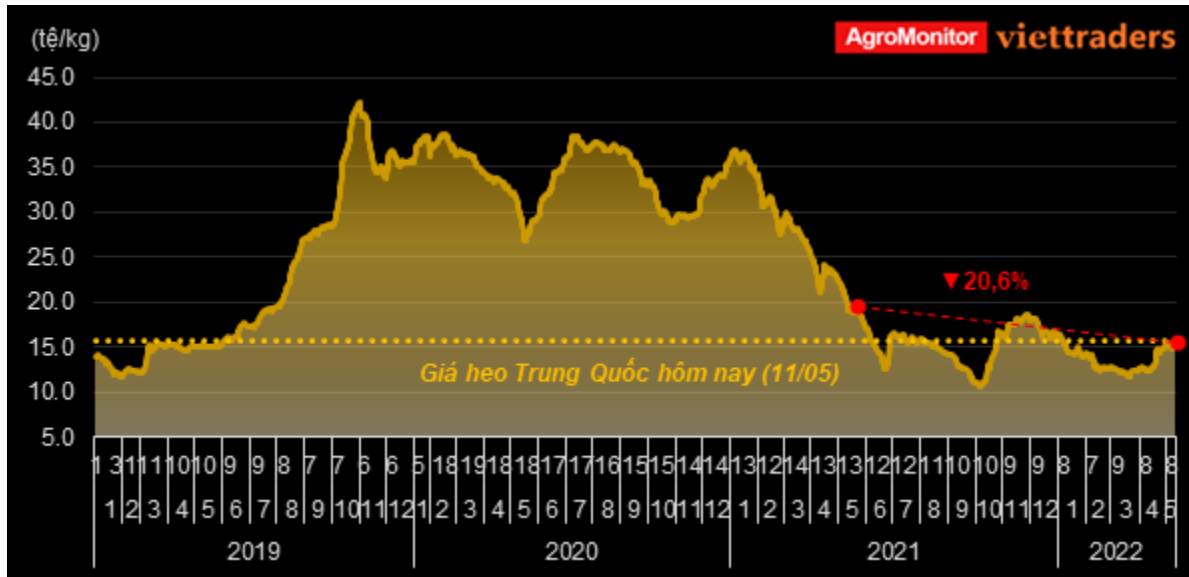
Diễn biến giá

▶ Trung Quốc

Bảng 8. Bảng giá heo hơi tại một số vùng Trung Quốc ngày 11/05/2022

Khu vực	Tệ/kg	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
		1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Quảng Đông	17,89	▲0,55	▲0,57	▲4,38	▼2,96	60.900
Quảng Tây	15,86	▲0,67	▲0,49	▲2,78	▼4,54	54.000
Vân Nam	14,46	▲0,16	▲0,02	▲2,56	▼4,60	49.300
Phúc Kiến	16,40	▲0,28	▲0,13	▲2,86	▼4,87	55.900
Tứ Xuyên	15,31	▲0,27	▲0,35	▲2,66	▼3,82	52.200
Liêu Ninh	14,87	▲0,33	▲0,22	▲3,12	▼4,43	50.700
Hà Bắc	15,51	▲0,34	▲0,31	▲3,30	▼4,06	52.800
Sơn Đông	15,56	▲0,12	▲0,14	▲3,17	▼4,72	53.000
Giá trung bình cả nước	15,64	▲0,33	▲0,23	▲3,19	▼4,06	53.300

Hình 2. Diễn biến giá heo hơi bình quân tại Trung Quốc từ 01/01/2019-11/05/2022 (tệ/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

► **Thái Lan**

Bảng 9. Bảng giá heo hơi tại một số trang trại Thái Lan ngày 10/05/2022

Khu vực	Baht/kg	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
		1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Miền Bắc	100,00	—0,00	—0,00	▲9,00	▲15,50	67.900
Vùng Đông Bắc	100,00	—0,00	▲1,00	▲10,00	▲18,50	67.900
Miền Trung	104,00	—0,00	▲6,00	▲18,00	▲24,00	70.600
Miền Đông	106,00	—0,00	▲2,50	▲14,00	▲29,00	71.900
Miền Tây	100,00	—0,00	▲1,00	▲12,00	-	67.900
Miền Nam	100,00	—0,00	▲2,00	▲10,00	-	67.900
Giá trung bình cả nước	101,67	—0,00	▲2,08	▲12,17	▲20,92	69.000

Hình 3. Diễn biến giá heo hơi bình quân tại Thái Lan từ 01/01/2021-10/05/2022 (baht/kg)



Nguồn: AgorMonitor tổng hợp

Sản xuất – Tiêu thụ

▶ Tại Mỹ

Sản lượng thịt heo Mỹ trong tuần kết thúc ngày 07/05 tăng 1,6% so với tuần trước đó.

Bảng 10. Diễn biến hoạt động sản xuất thịt heo tại Mỹ theo tuần

Tuần kết thúc ngày	Trọng lượng heo xuất chuồng (kg/con)	Lượng heo đưa vào giết mổ (nghìn con)	Sản lượng thịt heo (nghìn tấn; %)		
			Lượng (1,000 tấn)	Lũy kế 2022 (1,000 tấn)	2022/2021 (%)
16/04/2022	132,9	2.341	232,0	3.643,4	▼6,0
23/04/2022	133,4	2.374	235,5	3.878,9	▼5,8
30/04/2022	132,9	2.389	236,9	4.115,8	▼5,5
07/05/2022	132,9	2.427	240,4	4.356,1	▼5,4

Trong báo cáo mới nhất, Bộ NN Mỹ tiếp tục điều chỉnh giảm 0,9% đối với sản lượng thịt heo năm 2022.

Bảng 11. Cân đối cung cầu thịt heo Mỹ (nghìn tấn)

Năm	Nguồn cung (nghìn tấn)				Nhu cầu (nghìn tấn)		
	Tồn kho đầu kỳ	Sản lượng	Nhập khẩu	Tổng cung	Xuất khẩu	Tiêu thụ nội địa	Tồn kho cuối kỳ
2021							
Ước tính T2/22	212	12.559	535	13.306	3.189	9.914	204

Ước tính T3/22	212	12.559	535	13.306	3.189	9.915	202
Ước tính T4/22	212	12.559	535	13.306	3.189	9.915	202
2022							
Dự báo T2/22	204	12.426	594	13.224	3.089	9.926	209
Dự báo T3/22	202	12.397	628	13.227	3.053	9.970	204
Dự báo T4/22	202	12.288	635	13.125	2.991	9.923	211

Thương mại

▶ *Tại Mỹ*

Lương thịt heo Mỹ bán mới trong tuần kết thúc 28/04 giảm mạnh do nhu cầu giảm lại từ Mexico.

Bảng 12. Diễn biến hoạt động xuất khẩu thịt heo của Mỹ

Tuần kết thúc ngày	Lượng xuất khẩu mới (tấn)	Lượng bán mới (tấn)	Tổng lượng đã bán cho niên vụ 2022 (tấn)			
			Tổng	Bán cho Mexico	Bán cho Trung quốc	Bán cho Việt Nam
07/04/2022	31.831	23.986	643.089	243.502 (▼11%)	81.751 (▼67%)	1.201 (▼61%)
14/04/2022	28.237	12.937	656.026	248.200 (▲9%)	81.658 (▼68%)	1.299 (▼61%)
21/04/2022	29.863	33.587	687.506	269.817 (▲10%)	81.778 (▼68%)	1.392 (▼58%)
28/04/2022	32.194	27.170	711.294	281.121 (▲7%)	82.481 (▼70%)	1.527 (▼54%)

Ghi chú: Thay đổi tương đối (%) của tổng lượng đã bán cho các thị trường là so sánh với cùng kỳ năm 2021.

B. THỊ TRƯỜNG TACN & CÁC SẢN PHẨM CHĂN NUÔI

▶ *Giá nguyên liệu TACN trên thế giới*

Giá nguyên liệu TACN tại sàn CBOT ít biến động hơn trong phiên giao dịch vừa qua.

Bảng 13. Tham khảo giá một số loại nguyên liệu TACN trên thế giới

Loại giá	Kỳ hạn	ĐVT	Giá	Thay đổi	Diễn biến chính
<u>Ngô</u>					

CBOT - Mỹ	T7/2022	cent/bushel	775,20	▲3,20	Giá ngô CBOT trải qua một phiên giao dịch với khá nhiều biến động. Mở đầu phiên giao dịch, giá ngô giữ xu hướng đi lên nhờ việc tiến độ gieo trồng ngô Mỹ vẫn tiếp tục bị trì hoãn trong tuần kết thúc ngày 8/5, tuy nhiên sau đó lại quay đầu giảm xuống dưới vùng 770 cent/bushel trước sự suy yếu lan tỏa từ thị trường dầu thô cùng dự báo thời tiết tại Vành đai ngô Mỹ được cải thiện trong tuần này sẽ giúp đẩy nhanh tiến độ gieo trồng.
DCE - Trung Quốc	T7/2022	CNY/tấn	2.917	▼27	
<u>Lúa mì</u>					
CBOT - Mỹ	T7/2022	cent/bushel	1092,60	→0	Kết phiên giao dịch, giá lúa mì CBOT kỳ hạn tháng 7/2022 ở mức 1092,6 cent/bushel- giữ nguyên so với phiên trước đó.
FOB - Canada 13,5%	T7/2022	USD/tấn	476,25	▲1,25	
<u>Khô đậu tương</u>					
CBOT - Mỹ	T7/2022	USD/tấn ngắn	401,50	▼1,30	Biên lợi nhuận ép dầu tại Argentina và Brazil vẫn ở mức tốt khiến cho lượng đậu tương vụ mới đưa vào ép dầu tiếp tục tăng.
DCE - Trung Quốc	T7/2022	CNY/tấn	4.018	▲27	

► **Giá TACN và một số sản phẩm chăn nuôi tại Trung Quốc**

Theo giám sát giá của Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc tại 500 điểm chợ nông sản, thu mua trên cả nước, trong tuần bắt đầu ngày 02/05/2022, giá TACN tiếp tục tăng nhẹ chủ yếu nhờ sự đi lên của giá ngô, trong khi đó giá khô đậu tương kéo dài chuỗi giảm trong tuần thứ 4 liên tiếp. Giá trứng, thịt heo và thịt gà tiếp tục tăng tốt khi nhu cầu tiêu thụ có nhiều hơn, giá thịt bò và thịt cừu giữ chiều hướng đi ngang hoặc giảm nhẹ.

Bảng 14. Tham khảo giá TACN và một số sản phẩm chăn nuôi tại Trung Quốc theo giám sát của Bộ Nông nghiệp, cập nhật tuần bắt đầu ngày 02/05/2022

Loại giá	tệ/kg	Biến động giá		Quy đổi VND/kg	Ghi chú
		1 tuần	1 năm		
<u>Thức ăn chăn nuôi</u>					
Ngô	2,95	→0	▼0,3%	10.700	- Giá ngô bình quân tại ba tỉnh Đông Bắc tại các khuvực sản xuất chính là 2,69 tệ/kg, tăng 0,4% so với tuần trước;

					- Giá ngô tại tỉnh Quảng Đông, <i> khu vực tiêu thụ chính</i> , là 3,11 tệ/kg, không thay đổi so với tuần trước.
Khô đậu tương	4,66	▼1,3%	▲27,0%	16.800	- Phá vỡ mốc 4 tệ/kg trong 11 tuần liên tiếp dù ghi nhận xu hướng giảm trong 4 tuần gần đây.
Cám heo	3,87	▲0,3%	▲8,4%	14.000	- Loại cám hỗn hợp dùng cho heo xuất chuồng.
Sản phẩm chăn nuôi					
Thịt heo	23,95	▲4,2%	▼35,8%	86.500	
Thịt bò	86,60	—0	—0	312.900	- Giá thịt bò bình quân tại các tỉnh <i> sản xuất chính</i> như Hà Bắc, Liêu Ninh, Cát Lâm, Sơn Đông và Hà Nam là 79,40 tệ/kg, không biến động nhiều so với tuần trước.
Thịt cừu	82,39	▼0,2%	▼3,4%	297.700	- Giảm trong tuần thứ 12 liên tiếp, là mức giá thấp nhất trong vòng 30 tuần qua; - Giá thịt cừu bình quân tại các tỉnh <i> sản xuất chính</i> như Hà Bắc, Nội Mông, Sơn Đông, Hà Nam và Tân Cương là 76,56 tệ/kg, giảm 0,5% so với tuần trước.
Thịt gà	22,70	▲0,5%	▲2,0%	82.400	
Sữa bò	4,17	▼0,2%	▼1,4%	15.100	- Giá bình quân tại 10 tỉnh sản xuất bò sữa lớn, bao gồm Nội Mông và Hà Bắc.
Trứng gà	11,49	▲2,9%	▲16,1%	41.500	- Tăng trong 8 tuần liên tiếp; - Mức giá cao nhất trong 22 tuần qua.

Ghi chú: * Giá sản phẩm chăn nuôi là giá bán tại các chợ đầu mối

* Giá quy đổi VND/kg ước tính với tỷ giá tại thời điểm thống kê

C. THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

► Tỷ giá một số đồng tiền chính

Đồng USD vẫn đang ở vùng đỉnh của 20 năm thiết lập vào đầu tuần này do FED thắt chặt chính sách tiền tệ nhanh hơn các ngân hàng trung ương khác trên thế giới.

Bảng 15. Tỷ giá một số đồng tiền chính ngày 11/05/2022

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với USD			So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)

AUD (Úc)	AUD/USD	0,694	▼0,14	AUD/VND*	16.181	▼1,18
BRL (Brazil)	BRL/USD	0,195	▲0,57	-	-	-
CAD (Canada)	CAD/USD	0,767	▼0,12	CAD/VND*	17.907	▼0,69
CNY (Trung Quốc)	CNY/USD	0,149	▼0,07	CNY/VND	3.407	▼0,10
EUR (Châu Âu)	EUR/USD	1,053	▼0,27	EUR/VND*	24.938	▲0,48
GBP (Anh)	GBP/USD	1,232	▼0,12	GBP/VND*	28.705	▲0,13
IDR (Indonesia)	-	-	-	IDR/VND	1,57	—0,00
KHR (Campuchia)	-	-	-	KHR/VND	5,65	—0,00
LAK (Lào)	-	-	-	LAK/VND	1,80	—0,00
THB (Thái Lan)	THB/USD	0,029	—0,00	THB/VND*	676	▼0,35
USD (Mỹ)	-	-	-	USD/VND*	23.075	▼0,09

Ghi chú: * giá bán ra của Vietcombank

Hình 4. Biến động chỉ số DXY năm 2020-2022



Nguồn: Tradingeconomics (cập nhật vào lúc 10:00 ngày 11/05 theo giờ Việt Nam)

▶ Thị trường chứng khoán Mỹ

Thị trường chứng khoán Mỹ giảm co trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (10/05), với chỉ số Dow Jones giảm phiên thứ tư liên tiếp trong bối cảnh giá cổ phiếu nỗ lực gương dậy từ những phiên bán tháo trước đó.

Chốt phiên 10/05, chứng khoán Mỹ ghi nhận:

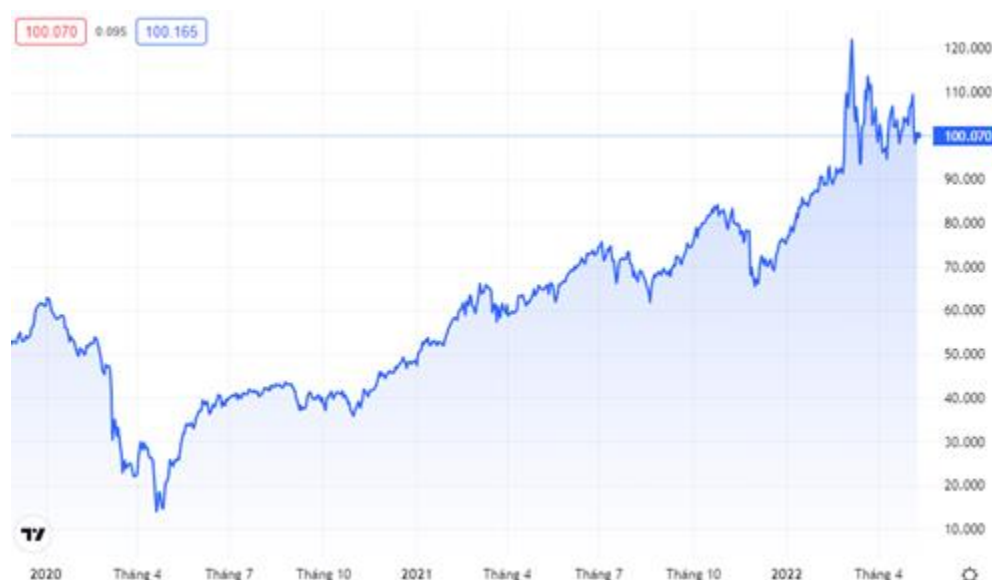
- Chỉ số Dow Jones mất 89,96 điểm, tương đương giảm 0,26%, còn 32.160,74 điểm;

- Chỉ số S&P 500 tăng 0,25%, đạt 4.001,05 điểm;
- Chỉ số Nasdaq tăng 0,98%, đạt 11.737,67 điểm.

▶ **Giá dầu thế giới**

Giá dầu thô WTI không giữ được mốc 100 USD/thùng vì mối lo suy giảm tăng trưởng kinh tế và đồng USD mạnh. Giá dầu thô WTI giao sau tại New York giảm 3,33 USD/thùng, tương đương giảm 3,2%, còn 99,76 USD/thùng. Đây là lần đầu tiên giá dầu WTI giảm dưới 100 USD/thùng kể từ hôm 27/04. Giá dầu Brent giao sau tại London giảm 3,48 USD/thùng, tương đương giảm 3,3%, còn 102,46 USD/thùng.

Hình 5. Biến động giá dầu thô WTI năm 2020-2022



Nguồn: Tradingeconomics (cập nhật vào lúc 10:00 ngày 11/05 theo giờ Việt Nam)

Thị trường Gia cầm thế giới ngày 11/5/2022

08:33 11/05/2022

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CÀM THẾ GIỚI

<p>Thị trường Gia cầm</p>	<p>▶ Trung Quốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu thụ tại các chợ đầu mỗi lần dân sinh chậm chạp, các lò mổ thận trọng hơn trong việc thu mua hàng kéo giá gà thịt giảm nhẹ, xuống ngưỡng 9,26 tệ/kg-tương đương 31.600 đồng/kg. - Giá trứng tiếp tục suy yếu, xuống mức 9,64 tệ/kg-tương đương 32.900 đồng/kg.
----------------------------------	--

DIỄN BIẾN GIÁ

Tại Trung Quốc

- Về phía cung, do thời gian trước chăn nuôi gà giống có chiều hướng thua lỗ trong thời gian dài cùng với các yếu tố dịch bệnh, các trại giống thu hẹp năng lực sản xuất, nguồn cung con giống sụt giảm rõ rệt khiến nguồn cung gà thịt hiện không nhiều. Tuy nhiên, tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh khiến tiêu thụ tại các chợ đầu mối lần dân sinh chậm chạp, các lò mổ thận trọng hơn trong việc thu mua hàng kéo giá gà thịt giảm nhẹ, xuống ngưỡng 9,26 tệ/kg-tương đương 31.600 đồng/kg.

- Với giao dịch gà trắng giống, hiện nguồn cung con giống vẫn chưa có nhiều trở lại, cùng với đó, vận chuyển gà giống tương đối khó khăn trong bối cảnh dịch bệnh. Giá thức ăn chăn nuôi vẫn ở mức cao, biên lợi nhuận chăn nuôi có phần thu hẹp khiến người chăn nuôi dè chừng hơn trong việc tái đàn, theo đó giá con giống tiếp tục suy yếu thêm, xuống mức 2,57 tệ/con-tương đương 8.800 đồng/con.

- Giá trứng tiếp tục suy yếu, xuống mức 9,64 tệ/kg-tương đương 32.900 đồng/kg. Dù nguồn cung trứng chưa có lại tuy nhiên nhu cầu tiêu thụ chung chưa được cải thiện khiến giá trứng nói dài đã giảm.

- Nguồn cung vịt khan hiếm thúc đẩy giá vịt thịt tiếp tục tăng nhẹ lên mức 9,26 tệ/kg-tương đương 31.600 đồng/kg. Tại khu vực miền Nam, thời tiết đang trong giai đoạn giao mùa khi trời chuyển mưa nhiều hơn, chăn nuôi vịt khó khăn, vịt dễ bị bệnh. Tương tự, ảnh hưởng bởi giá vịt thịt có chiều hướng gia tăng, giá giống cũng được đẩy lên quanh mức 1,79 tệ/con-tương đương 6.100 đồng/con.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch gà, vịt tại các nước ngày 10/05/2022

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	VND/kg, VND/con
Trung Quốc	Gà trắng thịt	CNY/kg	9,26	▼0,02	▲0,50	31.580
	Gà trắng giống	CNY/con	2,57	▼0,11	▼1,28	8.760
	Vịt thịt	CNY/kg	9,26	▲0,02	-	31.580
	Vịt giống	CNY/con	1,79	▲0,02	-	6.100
Thái Lan	Gà sống tại trại	Baht/kg	43,5	—0,00	-	29.580
	Gà nửa con	Baht/kg	90,0	—0,00	-	61.200
	Gà giống (CP)	Baht/con	17,0	—0,00	-	11.560
Brazil	Thịt gà đông lạnh	USD/kg	1,54	▲0,01	▲0,18	35.570
	Thịt gà làm mát	USD/kg	1,54	▲0,01	▲0,17	35.570
Mỹ (miền Trung)	Gà sống	Cents/pound	40,0-69,0	—0,00	-	20.390-35.170
	Chân gà	Cents/pound	45,0-56,0	—0,00	-	22.940-28.550
	Đùi gà	Cents/pound	73,0-100,0	—0,00	-	37.220-50.980
	Cánh gà	Cents/pound	220,0-245,0	—0,00	-	71.380-114.200

Bảng 2. Bảng giá giao dịch trứng tại các nước ngày 10/05/2022

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	VND/kg, VND/1 quả trứng
Trung Quốc	Trứng gà	CNY/kg	9,64	▼0,14	-	32.870
	(DCE) Kì hạn T6/2022	CNY/500kg	4.184	▼4,00	▼224,0	28.530
	(DCE) Kì hạn T7/2022	CNY/500kg	4.366	▼1,00	▼158,0	29.780
	(DCE) Kì hạn T8/2022	CNY/500kg	5.018	▼9,00	▼179,0	34.220
Thái Lan	Trứng gà tươi	Baht/100 quả trứng	350,0	—0,00	-	2.380
	Trứng số 3	Baht/100 quả trứng	323,0	—0,00	-	2.200
	Trứng số 4	Baht/100 quả trứng	306,0	—0,00	-	2.080
Campuchia	Trứng gà CP	Riel/quả	450,0	—0,00	-	2.520
Lào	Trứng gà	Kip/30 quả	35.100-35.700	—0,00	-	2.120-2.150

Mỹ

Bảng 3. Lượng gà thịt được đưa vào giết mổ tại Mỹ theo tuần (1000 con)

Tuần kết thúc	Số lượng	Thay đổi so với tuần trước (%)
07/05/2022	156413	-2,16
30/04/2022	159870	+2,57
23/04/2022	155857	-2,74
16/04/2022	160246	+1,28
09/04/2022	158227	-0,49

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

- Ngành sản xuất trứng của Thụy Điển đang phải chịu gánh nặng do ảnh hưởng bởi cuộc xung đột giữa Nga-Ucraina. Tình trạng thiếu trứng bùng phát ở nước này do ảnh hưởng bởi cuộc xung đột làm chi phí chăn nuôi gà đẻ tăng cao, đặc biệt là giá thức ăn chăn nuôi trong bối cảnh chi phí nhiên liệu ngày càng cao khiến nhiều nhà sản xuất thu hẹp quy mô. Một số nhà sản xuất trứng lớn đã công bố ý định tăng giá "mạnh", nhưng sự tăng giá như vậy đối với trứng- một thực phẩm thiết yếu, chắc chắn sẽ tạo gánh nặng cho người tiêu dùng khi họ vốn đã phải vật lộn với lạm phát.

THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

Bảng 4. Tỷ giá một số đồng tiền chính

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%) so với hôm trước
CNY (Trung Quốc)	CNY/VND	3.410	▼0,98
EUR (Châu Âu)	EUR/VND*	24.818	▼0,26
KHR (Campuchia)	KHR/VND	5,65	▼0,18
Kip (Lào)	Kip/VND	1,80	▼0,55
THB (Thái Lan)	THB/VND*	679	▼0,41
USD (Mỹ)	USD/VND*	23.095	▲0,02

Ghi chú: * giá bán ra của Vietcombank

Thị trường Gia súc nội địa ngày 11/5/2022

13:36 11/05/2022

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC NGÀY 11/05/2022

THỊ TRƯỜNG HEO	
Giao dịch heo hơi nội địa	
<u>Miền Bắc</u>	Giá heo giữ giao dịch quanh mức 55-56.000 đồng/kg, mức 54.000 đồng/kg xuất hiện trở lại nhưng chủ yếu với heo dân hoặc những trại chậm dịch. Sức tiêu thụ chung toàn thị trường yếu do heo chậm dịch biểu 60-80kg/con vẫn có ra thị trường. <i>Trong bối cảnh giá heo khó tăng như kỳ vọng, cộng thêm giá cám cao thì lực tập heo vào gột gần như đóng băng.</i>
<u>Miền Nam</u>	Nhu cầu heo đi Bắc và đi Cam yếu, cộng thêm tiêu thụ nội vùng chậm nên hôm nay mặt bằng giá heo miền Nam cũng phổ biến còn quanh 55-56.000 đồng/kg, mức trên 56.000 đồng/kg khó bán.
Giao dịch tại chợ đầu mối/lò mổ	
<u>Chợ đầu mối, lò mổ miền Bắc</u>	<i>Chợ Ngọc Lũ:</i> - Lượng heo đưa về chợ tăng lại, đạt quanh 3.500 con gồm heo dân quanh chợ bán ra, heo tập vào gột trong 1-2 tuần trước bán ra cùng lượng heo chạy dịch bán về chợ . - <i>Giao dịch tại chợ:</i> Chợ bán yếu với giá hàng đầu 57-58.000 đồng/kg, phổ biến 54.000 đồng/kg. <i>Lò mổ Vạn Phúc:</i> Giá heo móc hàm (gồm cả đầu lòng): 68.000-73.000 đồng/kg
<u>Chợ Tân Xuân-HCM</u>	Rạng sáng nay lượng heo nhập lò đạt gần 4.100 con, nhập chợ đạt gần 4.300 con do có heo từ Bình Điền đưa sang vào cuối phiên.

	- <i>Giao dịch tại chợ:</i> Chợ bán linh xình từ đầu phiên và rớt còn 58.000 đồng/kg trở lên vào cuối phiên, kéo giá bình bông đạt quanh 64-68.000 đồng/kg.
Thương mại	
Tại các cửa khẩu biên giới Tây Nam, heo đi Cam cũng có xu hướng giảm mạnh cho dù nhu cầu từ Cam vẫn khá tốt do giá heo Cam và heo Thái cùng cao, do phía Campuchia tiến hành bắt heo lậu nên các thương lái giảm mua. Theo đó, lượng heo đi Cam qua cửa khẩu khu vực Tây Ninh và Long An giảm chỉ còn trên dưới 200-300 con/ngày, chủ yếu bán cho cư dân giáp biên còn khó đi sâu vào gần Phnompenh.	

A. THỊ TRƯỜNG HEO

I. Giá cả và giao dịch heo nội địa

1. Miền Bắc

- Tại **miền Bắc**, giá heo giữ giao dịch quanh mức 55-56.000 đồng/kg, mức 54.000 đồng/kg xuất hiện trở lại nhưng chủ yếu với heo dân hoặc những trại chậm dịch. Sức tiêu thụ chung toàn thị trường yếu do heo chậm dịch biểu 60-80kg/con vẫn có ra thị trường.

- Trong bối cảnh giá heo khó tăng như kỳ vọng, cộng thêm giá cám cao thì lực tấp heo vào gột gần như đóng băng.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực		11/05/2022	10/05/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Bắc		57.000	57.000	56.000-57.000
Heo dân	Thái Bình	54,000-56,000	54,000-56,000	53.000-56.000
	Bắc Giang	54,000-56,000	54,000-56,000	53.000-56.000
	Hà Nội	54,000-56,000	54,000-56,000	53.000-56.000
Heo giống				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		132,000-137,000	132,000-137,000	130,000-135,000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1,100,000-1,300,000	1,100,000-1,300,000	1,100,000-1,300,000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1,300,000-1,500,000	1,300,000-1,500,000	1,300,000-1,400,000

2. Miền Trung

Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		11/05/2022	10/05/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Bắc Trung Bộ	57,000	57,000	56,000-57,000
	Nam Trung Bộ	55,000-57,000	56,000-58,000	55,000-58,000

Heo dân	Nghệ An	53,000-55,000	53,000-55,000	53,000-55,000
	Bình Định	55,000-57,000	55,000-57,000	54,000-57,000
	Đắc Lắc	53,000-55,000	53,000-55,000	53,000-55,000

3. Miền Nam

- Nhu cầu heo đi Bắc và đi Cam yếu, cộng thêm tiêu thụ nội vùng chậm nên hôm nay mặt bằng giá heo miền Nam cũng phổ biến còn quanh 55-56.000 đồng/kg, mức trên 56.000 đồng/kg khó bán.

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		11/05/2022	10/05/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	56,000-57,000	57,000-58,000	56,000-58,000
	Miền Tây	56,000-57,000	57,000-58,000	56,000-58,000
Heo dân	Đồng Nai	55,000-57,000	55,000-58,000	55,000-58,000
	Tiền Giang	54,000-56,000	54,000-56,000	53,000-56,000
	Bến Tre	54,000-56,000	54,000-56,000	52,000-56,000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000
Heo công ty – loại xách tại 6-7 kg (VND/con)		1.400.000-1.500.000	1.400.000-1.500.000	1.400.000-1.500.000
Heo dân – loại xách tại 7-9 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

II. Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

Miền Bắc

- Tại **chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo về chợ tăng lại, đạt quanh 3.500 con gồm heo dân quanh chợ bán ra, heo tập vào gột trong 1-2 tuần trước bán ra cùng lượng heo chạy dịch bán về chợ. Chợ bán yếu với giá hàng đầu 57-58.000 đồng/kg, phổ biến 54.000 đồng/kg.

Miền Nam

- Tại **chợ Tân Xuân**, rạng sáng nay lượng heo nhập lò đạt gần 4.100 con, nhập chợ đạt gần 4.300 con do có heo từ Bình Điền đưa sang vào cuối phiên. Chợ bán linh xình từ đầu phiên và rớt còn 58.000 đồng/kg trở lên vào cuối phiên, kéo giá bình bông đạt quanh 64-68.000 đồng/kg.

Bảng 4. Lượng và giá heo tại các chợ đầu mối (con; đồng/kg)

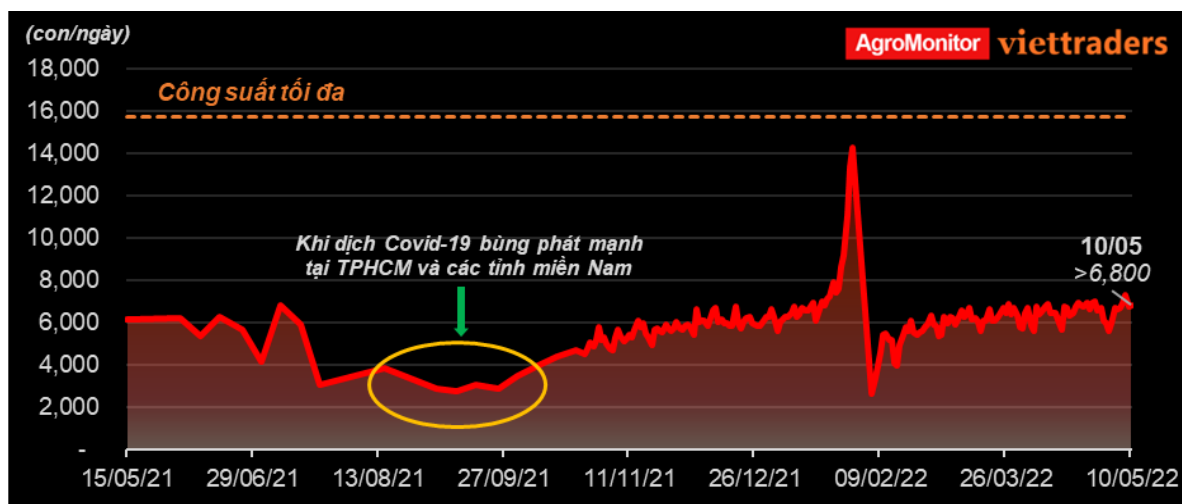
Khu vực	Chợ đầu mối		11/05/2022	10/05/2022
Miền Bắc	Chợ Ngọc Lũ	Lượng heo mới đưa về chợ (con)	3,500	<3,000
		Giá giao dịch tại chợ phổ biến(đồng/kg)	54,000-58,000	55,000-60,000
		Lượng heo nhập chợ (con)	4,280	4,130

Miền Nam	Chợ Tân Xuân	Giá giao dịch (đồng/kg)	58,000-73,000	65,000-73,000
----------	--------------	-------------------------	---------------	---------------

Bảng 5. Giá heo mành và phụ phẩm từ heo của các công ty/lò mổ (đồng/kg)

Phân loại		Khu vực	11/05/2022	10/05/2022
Heo mành	Công ty	CP - miền Bắc	78,500-80,000	78,500-80,000
		CP - miền Nam	69,500-71,500	69,500-71,500
		CJ - miền Nam	70,500	70,500
		Eminvest - miền Nam	71,500	71,500
	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	68,000-73,000	68,000-73,000
Phụ phẩm	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	50,000	50,000
	Công ty	CP - miền Nam	35,000	35,000

Hình 1. Lượng heo giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (tính tới 10/05/2022) (con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

III. Thương mại

- Tại các cửa khẩu biên giới Tây Nam, heo đi Cam cũng có xu hướng giảm mạnh cho dù nhu cầu từ Cam vẫn khá tốt do giá heo Cam và heo Thái cùng cao, do phía Campuchia tiến hành bắt heo lậu nên các thương lái giảm mua. Theo đó, lượng heo đi Cam qua cửa khẩu khu vực Tây Ninh và Long An giảm chỉ còn trên dưới 200-300 con/ngày, chủ yếu bán cho cư dân giáp biên còn khó đi sâu vào gần Phnompenh.

IV. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo

Bảng 6. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo tại các vùng

Khu vực	Xu hướng dịch bệnh
---------	--------------------

Miền Bắc	- Dịch bệnh trên heo vẫn nổi tại các vùng khiến heo chậm dịch/chạy dịch vẫn có ra thị trường.
Miền Trung	- Tại Bắc Trung Bộ, dịch bệnh trên heo vẫn lai rai nổi tại nhiều vùng. Tương tự, tại một số địa phương thuộc Nam Trung Bộ, trong đó có khu vực Tây Nguyên, dịch bệnh trên heo cũng có xu hướng bùng phát nhiều hơn.
Miền Nam	- Dịch tả châu Phi vẫn lai rai nổi tại cả miền Đông và miền Tây. Ngoài ra, tại khu vực miền Tây, một số địa phương vẫn có các bầy heo có dấu hiệu bệnh LMLM và một số bệnh liên quan tới hô hấp, tai xanh...

B. THỊ TRƯỜNG BÒ

I. Giá cả giao dịch nội địa

Bảng 7. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)

Chủng loại	11/05/2022	10/05/2022
Bò cái già	74.000-77.000	74.000-77.000
Bò cái tơ	80.000-82.000	80.000-82.000
Bò thiếu – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	-	-
Bò thiếu – loại nuôi vỗ béo	81.000-85.000	81.000-85.000
Bò cày – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	91.000-92.500	91.000-92.500
Bò nội – bò 3B	94.000-97.000	94.000-97.000
Bò tuốt – khu vực Hải Bối (Đông Anh) – bò Úc	195.000	195.000
Bò tuốt – công ty bán ra – bò Úc	197.000	197.000
Bò tuốt – bò ta	205.000	205.000

Bảng 8. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Nam (đồng/kg)

Chủng loại	11/05/2022	10/05/2022
Bò thiếu – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	82.000-83.000	82.000-83.000
Bò thiếu – loại nuôi vỗ béo	80.000-81.000	80.000-81.000
Bò cày – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng. tùy cân nặng	88.000-90.000	88.000-90.000
Bò tuốt Úc – chợ Phạm Văn Hai (TPHCM)	198.000-200.000	198.000-200.000

Thị trường Gia cầm nội địa ngày 11/5/2022

13:11 11/05/2022

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM NGÀY 11/05/2022

<u>Gà trắng</u>	Tại miền Bắc: 33.000-35.500 đồng/kg Lo ngại giá có thể tiếp tục suy yếu cùng với thời tiết ngoài Bắc được dự báo sẽ chuyển mưa lạnh vào cuối tuần này khiến trại dân một số khu vực xuất gà nhỏ 3-3.2 kg/con.
	Tại miền Nam: 30.000-32.000 đồng/kg Nguồn cung vẫn lại tuy nhiên do tiêu thụ yếu hơn khi ảnh hưởng của thời tiết mưa kéo dài khiến biên độ tăng của giá gà khá chậm.
<u>Gà màu</u> <u>Dabaco/Minh Dự</u>	Tại miền Bắc: 68.000-70.000 đồng/kg Tại miền Nam: 68.000-72.000 đồng/kg Tại miền Nam, giá gà màu các loại đồng loạt tăng tiếp do nguồn cung khan hiếm
<u>Gà lai hồ/lai chơi giống</u>	Tại miền Bắc: 12.500-14.000 đồng/con Tại miền Nam: 8.000-10.000 đồng/con Giao dịch gà màu giống có phần sôi động hơn, người chăn nuôi tập trung vào đàn lai mía và lai chơi trong thời tiết nắng nóng nhiều hơn
<u>Vịt thịt</u>	Tại miền Bắc: 42.000-44.000 đồng/kg Cuối tuần này, thời tiết ngoài Bắc được dự báo đón đợt mưa lạnh có thể sẽ ảnh hưởng đến sức tiêu thụ gia cầm, giá vịt có khả năng sẽ quay đầu giảm nhẹ.
	Tại miền Đông: 48.000-49.000 đồng/kg Tại miền Tây: 49.000-50.000 đồng/kg Người chăn nuôi vịt tại miền Nam đang có lời tương đối khá với điểm hòa vốn trong khoảng 40-42.000 đồng/kg.
<u>Giao dịch chợ Hà Vỹ</u>	Lượng gà trắng về chợ: 2.000-2.500 con/ngày Giá gà trắng nhập về chợ: 38.000-39.000 đồng/kg Giá gà trắng bán ra tại chợ: 38.000-42.000 đồng/kg Chợ bán gà trắng cải thiện nhẹ giúp đầu giá bán ra tăng thêm.

Gà trắng

Diễn biến gà trắng thịt

- Tại miền Bắc, với đàn nhiều trống biểu to 4 kg/con các công ty giữ giá ổn định ngưỡng 35.500 đồng/kg, tuy nhiên, với đàn 3.2-3.3 kg/con mức giá giảm nhẹ xuống 33.000 đồng/kg do thị trường đang khan gà to trong khi

biểu nhỏ khó bán hơn. Lo ngại giá có thể tiếp tục suy yếu cùng với thời tiết ngoài Bắc được dự báo sẽ chuyển mưa lạnh vào cuối tuần này khiến một số khu vực xuất gà nhỏ 3-3.2 kg/con với giá 32.000 đồng/kg.

- Tại miền Nam, giá công ty tiếp tục điều chỉnh tăng 1.000 đồng/kg vào hôm nay, lên phổ biến 30-32.000 đồng/kg do nguồn cung vẫn hơn. Tuy nhiên, tiêu thụ gà trắng tại Nam Bộ yếu hơn do ảnh hưởng của thời tiết mưa nhiều khiến biên độ tăng của giá gà khá chậm.

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	11/05/2022	10/05/2022	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	33.000-35.500	33.500-35.500	33.000-37.000
	Miền Nam	30.000-32.000	29.000-31.000	27.000-31.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	33.000-35.000	34.000-35.000	34.000-36.000
	Vĩnh Phúc	33.000-35.000	34.000-35.000	34.000-37.000
	Hà Nội	33.000-35.000	34.000-35.000	34.000-37.000
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	30.000-32.000	30.000-32.000	29.000-30.000
	Bình Phước	30.000-32.000	30.000-32.000	29.000-30.000

Diễn biến gà trắng giống

Bảng 2. Bảng giá gà trắng giống DOC (đồng/con)

Vùng/miền	Loại con giống	11/05/2022	10/05/2022
DOC- miền Bắc	Bán ngoài	10.000-12.000	10.000-12.000
	Ăn cám công ty	8.000-10.000	8.000-10.000
DOC- miền Nam	Bán ngoài	9.000-10.000	9.000-10.000
	Ăn cám công ty	8.500-9.500	8.500-9.500
Nam bán ra Bắc	Ăn cám công ty	11.000	11.000

Bảng 3. Bảng giá trứng gà tại thị trường nội địa (đồng/quả)

Khu vực	Loại trứng	11/05/2022	10/05/2022
Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03(>=21.3kg)	2600	2600
	Mix04(>=20.3kg)	2500	2500
	Mix05(>=19.3kg)	2450	2450
Miền Nam (trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 23.5kg	2550	2550
	Loại 22.5kg	2450	2450
	Loại 21.5kg	2350	2350
	Loại 20.5kg	2300	2300
	Loại 19.5kg	2250	2250

Gà màu

- Tại miền Bắc, giá gà thịt tiếp tục ổn định quanh mức 58-59.000 đồng/kg với gà ta lai CP nuôi 75 ngày và 68-70.000 đồng/kg với gà Dabaco/Minh Dư nuôi trên 4 tháng. Trong khi đó, giao dịch con giống có phần sôi động hơn, người chăn nuôi tập trung vào đàn lai mía và lai chọn trong thời tiết nắng nóng nhiều hơn. Theo đó giá gà lai mía giống trong dân điều chỉnh lên 14.000 đồng/con (mua xô), giá gà lai hồ giống giữ ổn định mức 11.000 đồng/con.

- Tại miền Trung, giá gà ta lai CP tiếp tục tăng lên phổ biến 57-58.000 đồng/kg do nguồn cung thiếu hụt không đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ của thị trường.

- Tại miền Nam, giá gà màu các loại đồng loạt tăng tiếp do nguồn cung khan hiếm. Với gà ta lai CP nuôi 75 ngày, giá bán tại trại được 57-58.000 đồng/kg, công ty cắt chiết khấu khuyến mãi khiến mức 56.000 đồng/kg không còn. Trong khi giá gà Dabaco/Minh Dư nuôi trên 4 tháng lần lượt tăng lên quanh mức 68-70.000 đồng/kg và 70-72.000 đồng/kg (gà trống). Cùng chiều, giá gà màu giống tại miền Nam cũng điều chỉnh tăng trong đầu tháng này, lên 9-10.000 đồng/con với giống bên Minh Dư và 7.500 đồng/con với giống ta lai.

Bảng 4. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	11/05/2022	10/05/2022	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	58.000-59.000	58.000-59.000	55.000-58.000
Gà ta lai CP – miền Trung	57.000-58.000	55.000-56.000	55.000-56.000
Gà ta lai CP – miền Nam	57.000-58.000	56.000-58.000	53.000-58.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	68.000-69.000	68.000-69.000	60.000-67.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	68.000-70.000	65.000-66.000	58.000-66.000
Gà Minh Dư – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	69.000-70.000	69.000-70.000	60.000-67.000
Gà Minh Dư – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	70.000-72.000	67.000-70.000	63.000-70.000

Bảng 5. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)

Loại con giống	11/05/2022	10/05/2022
DOC- Dabaco, Hòa Phát	11.000	10.000
DOC-Minh Dư	10.000-11.000	9.000-10.000
DOC- Tiến Đạt	12.500-14.000	11.000-12.000
DOC- Lai mía	14.000	12.000-13.000
DOC- Lai Hồ	11.000	11.000

Bảng 6. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)

Loại con giống	11/05/2022	10/05/2022
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	8.000-10.000	7.000-8.000
DOC-Minh Dur	9.000-10.000	7.000-8.000
DOC- Gà ta lai	7.500	5.000-6.000

Vịt thịt

- Tại miền Bắc, giá vịt giữ ổn định quanh mức thiết lập từ cuối tuần trước 42-44.000 đồng/kg, nhu cầu tiêu thụ vịt trong những ngày gần đây trôi hơn do thời tiết oi nóng. Tuy nhiên, cuối tuần này, thời tiết ngoài Bắc được dự báo đón đợt mưa lạnh có thể sẽ ảnh hưởng đến sức tiêu thụ gia cầm, giá vịt có khả năng sẽ quay đầu giảm nhẹ.

- Tại miền Nam, giá vịt tạm thời đi ngang vào hôm nay, dao động 48-50.000 đồng/kg, tùy vùng. Với mức này, người chăn nuôi đang có lời tương đối khá với điểm hòa vốn trong khoảng 40-42.000 đồng/kg.

Bảng 7. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	11/05/2022	10/05/2022	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	42.000-44.000	42.000-44.000	43.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	48.000-49.000	48.000-49.000	44.000-51.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	49.000-50.000	49.000-50.000	49.000-53.000

Bảng 8. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)

Khu vực	Loại con giống	11/05/2022	10/05/2022
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	19.000-20.000	19.000-20.000
	DOC- Vịt Grimaud	19.000-20.000	19.000-20.000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	9.500-10.000	9.500-10.000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	14.500-16.000	14.500-16.000
	DOC- Vịt Cherry	22.000-22.500	22.000-22.500

Giao dịch gà tại các chợ đầu mối lớn

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, lượng gà trắng đổ về chợ ổn định, đạt quanh mức 2.000-2.500 con. Trong đó, gà biểu to nhiều hơn đẩy giá gà nhập về chợ (mua xô) tăng lên mức 38-39.000 đồng/kg. Chợ bán cải thiện nhẹ giúp giá bán ra cũng được điều chỉnh tăng thêm, đạt ngưỡng 38-42.000 đồng/kg, tùy gà mái hay gà trống.

Bảng 9. Bảng giá gà mua vào và bán ra tại chợ đầu mối Hà Vỹ (đồng/kg)

Loại gà	Giao dịch	11/05/2022	10/05/2022
Gà trắng	Mua vào	38.000-39.000	38.000
	Bán ra	38.000-42.000	38.000-41.000
Gà màu Dabaco	Mua vào	68.000	68.000
	Bán ra	73.000-74.000	73.000-74.000
Gà Japfa	Mua vào	66.000	66.000
	Bán ra	71.000-72.000	71.000-72.000

